

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ
GIAO NHẬN VẬN TẢI
XẾP DỠ TÂN CẢNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 39



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103006182, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 08 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ Công ty.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 73073979
- Fax : 028 37423027

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2020
Ông Lê Văn Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2024
Ông Hoàng Đức Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022
Ông Phạm Trung Nghi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Văn Phụng	Trưởng ban	Ngày 15 tháng 6 năm 2021
Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên	Ngày 15 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Văn Trường	Thành viên	Ngày 16 tháng 6 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Văn Cường	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 02 năm 2020
Ông Châu Thanh Hải	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2021
Ông Ngô Ngọc Khánh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 02 năm 2024
Ông Đặng Thanh Sơn	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2024
Bà Phạm Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Văn Cường.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Nhóm Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Lê Văn Cường

Ngày 25 tháng 02 năm 2025

Số:2.0109/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và Công ty con (gọi chung là “nhóm Công ty”), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0368-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		663.244.375.700	474.241.740.927
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	55.519.125.648	71.071.180.963
1. Tiền	111		13.519.125.648	20.071.180.963
2. Các khoản tương đương tiền	112		42.000.000.000	51.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		145.102.279.452	138.800.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	145.102.279.452	138.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		444.458.326.105	248.269.964.734
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	428.124.364.646	231.658.324.499
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.399.837.389	2.021.727.046
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	14.846.581.813	15.398.662.470
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(912.457.743)	(808.749.281)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		13.096.217.340	12.916.648.263
1. Hàng tồn kho	141	V.7	13.096.217.340	12.916.648.263
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.068.427.155	3.183.946.967
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.125.709.558	2.114.848.569
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.942.717.597	1.069.098.398
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		447.392.005.771	466.240.563.442
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.991.300.000	19.991.300.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	17.991.300.000	19.991.300.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		247.426.512.763	273.824.340.980
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	225.303.166.653	250.955.322.214
Nguyên giá	222		904.665.685.355	899.981.033.508
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(679.362.518.702)	(649.025.711.294)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	22.123.346.110	22.869.018.766
Nguyên giá	228		28.691.911.391	28.691.911.391
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.568.565.281)	(5.822.892.625)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	3.408.141.075	2.956.427.324
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.408.141.075	2.956.427.324
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		146.340.870.928	138.745.032.990
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	119.861.390.928	112.265.552.990
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	26.479.480.000	26.479.480.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		32.225.181.005	30.723.462.148
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	32.225.181.005	30.723.462.148
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.110.636.381.471	940.482.304.369

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		459.983.241.926	341.621.209.264
I. Nợ ngắn hạn	310		422.039.915.170	288.611.976.608
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	272.139.149.586	166.169.666.280
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		507.226.395	332.767.062
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	12.301.808.364	13.218.910.454
4. Phải trả người lao động	314		34.736.612.159	26.608.689.021
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	20.400.109.725	23.162.649.428
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	31.149.293.587	34.032.658.293
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	32.249.712.000	7.249.712.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	18.556.003.354	17.836.924.070
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		37.943.326.756	53.009.232.656
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	36.131.626.504	43.947.820.404
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	1.811.700.252	9.061.412.252
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		650.653.139.545	598.861.095.105
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	650.653.139.545	598.861.095.105
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		301.584.360.000	301.584.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		301.584.360.000	301.584.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.712.126.338	20.712.126.338
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.512.000.000	1.512.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		198.962.141.295	158.032.370.821
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		105.466.176.752	94.553.109.542
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		23.745.459.217	94.553.109.542
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		81.720.717.535	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		22.416.335.160	22.467.128.404
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.110.636.381.471	940.482.304.369

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Xuân Tân

Phạm Thị Thu Hà

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.631.183.620.056	1.529.415.505.455
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.631.183.620.056	1.529.415.505.455
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.382.737.677.902	1.290.169.467.939
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		248.445.942.154	239.246.037.516
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.505.783.614	17.537.756.286
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	503.814.945	1.025.856.761
Trong đó: chi phí lãi vay	23		503.814.945	1.025.856.761
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	21.920.604.178	11.687.964.202
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	30.590.906.571	35.177.208.068
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	73.599.936.434	70.174.311.898
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		177.177.671.996	162.094.381.277
12. Thu nhập khác	31	VI.7	7.215.616	2.134.779.398
13. Chi phí khác	32		168.826.313	107.850.081
14. Lợi nhuận khác	40		(161.610.697)	2.026.929.317
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		177.016.061.299	164.121.310.594
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	30.788.062.496	29.699.992.020
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		146.227.998.803	134.421.318.574
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		146.060.376.424	134.162.690.792
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		167.622.379	258.627.782
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	4.067	3.670
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	4.067	3.670

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Văn Cường

Nguyễn Xuân Tân

Phạm Thị Thu Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		177.016.061.299	164.121.310.594
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.9	29.628.242.220	30.730.832.651
- Các khoản dự phòng	03	VI.6	103.708.462	413.012.612
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(81.021)	(46.718)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(19.077.596.101)	(18.025.922.479)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	503.814.945	1.025.856.761
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		188.174.149.804	178.265.043.421
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(193.054.779.954)	(92.472.756.680)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(179.569.077)	(3.568.526.370)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		102.515.547.402	82.874.050.453
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.512.579.846)	(19.818.046.292)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(480.930.774)	(1.025.856.761)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(31.904.122.003)	(27.856.722.351)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.17	70.480.000	53.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(23.417.259.618)	(17.840.997.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.210.935.934	98.609.187.670
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7.388.415.498)	(16.248.736.230)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	557.480.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(85.000.000.000)	(88.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		78.697.720.548	41.200.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.622.898.985	17.136.171.433
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.067.795.965)	(45.355.083.888)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.16	25.000.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.16	(7.249.712.000)	(7.249.712.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(70.445.564.305)	(66.076.716.821)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(52.695.276.305)	(73.326.428.821)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(15.552.136.336)	(20.072.325.039)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	71.071.180.963	91.143.459.284
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	81.021	46.718
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	55.519.125.648	71.071.180.963

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Văn Cường

Nguyễn Xuân Tân

Phạm Thị Thu Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và một công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào 1 công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai có trụ sở chính tại Cảng Tân Cảng Nhơn Trạch, Ấp 3, Xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là dịch vụ cảng biển. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 51%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ cảng biển	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 – Hải Phòng	Hạ Đoạn, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng	Dịch vụ cảng biển	36,00%	36,00%	36,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn	938/180 Nguyễn Thị Định, khu phố 3, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ cảng biển	20,00%	20,00%	20,00%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 364 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Nhóm Công ty (số đầu năm là 375 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và công ty con khác thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty trong nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Nhóm Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức lập dự phòng căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Đối với hàng tồn kho là nguyên vật liệu, giá gốc hàng tồn kho được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty chủ yếu là chi phí liên quan đến kho bãi như chi phí thuê đất, chi phí xây dựng kho bãi, chi phí thuê cơ sở hạ tầng và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Nhóm Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí xây dựng kho bãi

Chi phí đầu tư xây dựng bãi chứa container rỗng (depot) được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê kho bãi là 05 năm.

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 38
Máy móc và thiết bị	3 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Cây lâu năm	2
Tài sản cố định khác	5 - 8

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty và công ty con đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất còn lại là 35 năm 9 tháng.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Nhóm Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà nhóm Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Nhóm Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu Nhóm Công ty được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí Nhóm Công ty phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	401.162.811	169.727.523
Tiền gửi ngân hàng	13.117.962.837	19.901.453.440
Các khoản tương đương tiền (<i>tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	42.000.000.000	51.000.000.000
Cộng	55.519.125.648	71.071.180.963

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm, lãi suất từ 3,7% - 5,2%/năm	145.102.279.452	138.000.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu là 25.000.000.000 VND bị phong tỏa để đảm bảo cho khoản vay tại cùng Ngân hàng (xem thuyết minh tại V.16).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỖ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành ⁽ⁱ⁾	54.000.000.000	31.689.142.718	54.000.000.000	22.251.872.837
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾	33.120.000.000	(10.505.345.487)	33.120.000.000	(8.086.279.264)
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	10.000.000.000	1.557.593.697	10.000.000.000	979.959.417
Cộng	97.120.000.000	22.741.390.928	97.120.000.000	112.265.552.990

(i) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty sở hữu 5.400.000 cổ phần, tương đương 36% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành, không thay đổi so với số đầu năm.

(ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty sở hữu 3.312.000 cổ phần, tương đương 36% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 – Hải Phòng, không thay đổi so với số đầu năm.

(iii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty sở hữu 1.000.000 cổ phần, tương đương 20% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn, không thay đổi so với số đầu năm.

Giá trị phần sở hữu của Nhóm Công ty tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	76.251.872.837	22.937.269.881	(13.500.000.000)	85.689.142.718
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	25.033.720.736	(2.419.066.223)	-	22.614.654.513
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đồng Sài Gòn	10.979.959.417	1.402.400.520	(824.766.240)	11.557.593.697
Cộng	112.265.552.990	21.920.604.178	(14.324.766.240)	119.861.390.928

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	1.048.608.000	3.148.992.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành		
Cổ tức được chia	13.500.000.000	13.500.000.000
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	360.742.000	375.446.900
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	333.044.086.891	337.845.612.652
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	5.467.121.500	698.023.036
Mua vật tư của Công ty liên kết	17.443.153.247	21.257.800.000
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	359.849.522.132	318.915.964.969
Cổ tức được chia	824.766.240	1.185.962.231

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Ngân hàng Thương mại				
Cổ phần Quân đội	14.666.980.000	77.678.053.065	14.666.980.000	57.716.959.748
(3.094.743 Cổ phần)				
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	11.812.500.000	44.302.500.000	11.812.500.000	45.663.750.000
(1.237.500 Cổ phần)				
Cộng	26.479.480.000	121.980.553.065	26.479.480.000	103.380.709.748

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	396.032.593.166	201.195.572.157
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	387.339.185.326	197.071.393.066
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	1.672.431.300	1.024.792.760
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	460.185.166	623.859.142
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng- Bình Dương	24.844.000	326.024.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	4.428.288.200	368.423.400
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	740.404.995	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	123.552.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng miền Bắc	-	21.384.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	725.213.706	342.781.462
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	93.980.520	538.772.600
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	94.089.600	283.409.280

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	144.898.740	486.433.680
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	65.601.360	75.340.800
Công ty TNHH Một thành viên Hoa Tiêu Tân Cảng	21.657.300	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng- Cái Mép	199.113	12.758.727
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	90.149.760	18.354.600
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	-	1.844.640
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	7.912.080	-
Phải thu các khách hàng khác	32.091.771.480	30.462.752.342
Cộng	428.124.364.646	231.658.324.499

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại và Kỹ thuật Phúc Lâm	1.024.716.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Thương mại và Đầu tư Lin Đan	674.942.400	1.518.599.700
Các nhà cung cấp khác	700.178.989	503.127.346
Cộng	2.399.837.389	2.021.727.046

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	503.072.516	-	494.365.056	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Các khoản chi hộ	175.106.236	-	263.365.056	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng - Các khoản chi hộ	30.606.280	-	-	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái-Các khoản chi hộ	50.040.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Cát Lái- Đông Sài Gòn - Đặt cọc thuê bãi	231.000.000	-	231.000.000	-
Công ty Cổ phần Cát Lái- Đông Sài Gòn - Phải thu khác	16.320.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	14.343.509.297	-	14.904.297.414	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đông Sài Gòn - Đặt cọc sử dụng dịch vụ	4.112.000.000	-	4.112.000.000	-
Công ty TNHH MTV Hiệp Huy Hoàng - Vốn góp hợp tác kinh doanh	-	-	375.000.000	-
Thu chi hộ	1.188.375.780	-	491.320.400	-
Tạm ứng	4.229.270.653	-	4.560.916.964	-
Ký cược, ký quỹ	53.000.000	-	52.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	1.684.986.301	-	1.826.127.123	-
Các khoản phải thu người lao động	2.629.408.167	-	3.287.842.778	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	446.468.396	-	199.090.149	-
Cộng	14.846.581.813	-	15.398.662.470	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đặt cọc cung cấp nước	30.000.000	-	30.000.000	-
Bà Bùi Thị Nở - Đặt cọc tiền thuê đất	300.000.000	-	300.000.000	-
Đặt cọc thuê văn phòng tòa nhà TCL	-	-	2.000.000.000	-
Đặt cọc thuê bãi	17.661.300.000	-	17.661.300.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 14	8.316.000.000	-	8.316.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Vận tải Quang Minh				
Công ty TNHH Tincons	6.345.300.000	-	6.345.300.000	-
Cộng	17.991.300.000	-	19.991.300.000	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư	Trên 3 năm	2.376.686.073	(516.721.074)	786.644.103	(171.026.200)
Phân bón Toàn cầu (*)	Từ 2-3 năm	-	-	1.590.041.970	(241.986.412)
Phải thu các tổ chức khác	Trên 3 năm	395.736.669	(395.736.669)	395.736.669	(395.736.669)
Cộng		2.772.422.742	(912.457.743)	2.772.422.742	(808.749.281)

(*) Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty Cổ phần Đầu tư Phân bón Toàn Cầu được trích lập sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	808.749.281	395.736.669
Trích lập dự phòng bổ sung	103.708.462	413.012.612
Số cuối năm	912.457.743	808.749.281

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	13.096.217.340	12.916.648.263

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí quân trang, đồng phục, bảo hộ lao động	614.989.800	665.386.100
Chi phí bảo hiểm	818.988.396	812.967.876
Phí sử dụng đường bộ	173.845.769	146.026.225
Công cụ, dụng cụ	1.440.501.719	406.076.511
Các chi phí khác	77.383.874	84.391.857
Cộng	3.125.709.558	2.114.848.569

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa, thay mới đệm, cầu Bền đóng gạo	6.598.097.448	9.970.098.175
Chi phí sửa chữa, thi công tại Tân Cảng Nhon Trạch	14.863.582.113	16.564.440.582
Chi phí sửa chữa, cải tạo đường dây cấp nguồn điện Tân Cảng Mỹ Thủy	645.161.336	1.100.195.056
Thi công, sửa chữa nội thất, lắp đặt trang thiết bị tòa nhà TCL	1.194.121.088	1.084.737.244
Chi phí sửa chữa bến đóng gạo		
Chi phí thi công, nâng cấp tại Depot Tân Cảng Mỹ Thủy 2	1.756.722.265	1.434.025.376
Chi phí thi công, xây dựng tại Depot Tân Cảng Tân Vạn	2.434.623.788	167.297.088
Chi phí sửa chữa cầu	4.093.823.231	-
Công cụ, dụng cụ	639.049.736	402.668.627
Cộng	32.225.181.005	30.723.462.148

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	273.249.176.123	554.206.185.447	58.216.022.186	2.575.942.873	80.000.000	11.653.706.879	899.981.033.508
Mua trong năm	-	-	972.627.273	73.884.540	-	407.455.556	1.453.967.369
Đầu tư XDCB hoàn thành theo quyết toán	3.133.464.073	-	-	140.231.000	-	-	3.273.695.073
Tăng theo quyết toán	83.333.333	90.000.000	-	-	-	60.185.185	233.518.518
Giảm do kết luận của thanh tra BTC	-	-	-	-	-	(276.529.113)	(276.529.113)
Số cuối năm	276.465.973.529	554.296.185.447	59.188.649.459	2.790.058.413	80.000.000	11.844.818.507	904.665.685.355
Trong đó:							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.608.662.300	207.817.513.774	38.119.975.830	2.460.912.873	80.000.000	215.582.902	262.302.647.679
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	117.896.957.549	477.174.315.469	49.308.899.874	2.459.228.986	80.000.000	2.106.309.416	649.025.711.294
Khấu hao trong năm	11.375.427.978	12.485.625.937	4.183.904.175	88.202.805	-	2.203.646.513	30.336.807.408
Số cuối năm	129.272.385.527	489.659.941.406	53.492.804.049	2.547.431.791	80.000.000	4.309.955.929	679.362.518.702

Giá trị còn lại

Số đầu năm	155.352.218.574	77.031.869.978	8.907.122.312	116.713.887	-	9.547.397.463	250.955.322.214
Số cuối năm	147.193.588.002	64.636.244.041	5.695.845.410	242.626.622	-	7.534.862.578	225.303.166.653

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 68.286.894.050 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	27.991.682.391	700.229.000	28.691.911.391
Số cuối năm	27.991.682.391	700.229.000	28.691.911.391
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	580.229.000	580.229.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.233.738.895	589.153.730	5.822.892.625
Khấu hao trong năm	705.672.660	39.999.996	745.672.656
Số cuối năm	5.939.411.555	629.153.726	6.568.565.281
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	22.757.943.496	111.075.270	22.869.018.766
Số cuối năm	22.052.270.836	71.075.274	22.123.346.110
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

- (*) Là quyền sử dụng đất tại phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 2; thời hạn sử dụng đến ngày 30 tháng 8 năm 2055; có giá trị còn lại 22.052.270.836 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh	Kết chuyển vào TSCĐ	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	288.000.000	1.485.283.110	(1.453.967.369)	319.315.741
Xây dựng cơ bản dở dang	2.668.427.324	3.694.093.083	(3.273.695.073)	3.088.825.334
Dự án di dời kho xăng dầu vùng 2	1.808.239.341	87.384.138	-	1.895.623.479
Công trình Đường kết nối Bãi IMDG tại ICD TCNT	-	2.433.939.073	(2.433.939.073)	-
Các công trình khác	860.187.983	1.172.769.872	(839.756.000)	1.193.201.855
Cộng	2.956.427.324	5.179.376.193	(4.727.662.442)	3.408.141.075

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	203.785.094.673	138.019.733.827
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	-	163.500.000
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	50.447.070	56.552.040
Công ty Cổ phần Vận Tải Thủy Tân Cảng	148.758.120	1.095.907.320
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	10.055.503.043	6.014.168.196
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	140.422.506.082	97.007.582.280
Công ty TNHH Phát Triển Nguồn Nhân Lực Tân Cảng - STC	42.920.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	28.169.856	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	19.947.820.777	11.834.236.546
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	-	445.408.200
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	15.874.920	25.923.240
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	22.696.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	27.434.970	-
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	32.987.606.835	21.132.326.274
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	35.357.000	244.129.731
Phải trả các nhà cung cấp khác	68.354.054.913	28.149.932.453
Cộng	272.139.149.586	166.169.666.280

Nhóm Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	214.711.322	24.256.060.549	(24.253.889.948)	216.881.923
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.484.549.619	30.788.062.496	(31.904.122.003)	10.368.490.112
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ bên hợp tác kinh doanh	1.319.371.794	1.437.067.916	(1.478.536.220)	1.277.903.490
Thuế thu nhập cá nhân	200.277.719	7.048.144.417	(6.809.889.297)	438.532.839
Các loại thuế khác	-	122.206.818	(122.206.818)	-
Cộng	13.218.910.454	63.651.542.196	(64.568.644.286)	12.301.808.364

Thuế giá trị gia tăng

Công ty và công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho tiền bán nước là 5%, dịch vụ khác là 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty và công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty và công ty con kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>14.837.217.982</i>	<i>18.322.814.365</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	5.414.784.322	472.582.400
Chi phí thuê đất	3.372.386.322	472.582.400
Chi phí vận chuyển, xếp dỡ	2.042.398.000	-
Công ty Cổ phần Cát Lái- Đông Sài Gòn	157.000.000	-
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	9.265.433.660	17.850.231.965
- Chi phí vận chuyển, xếp dỡ, lưu bãi		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>5.562.891.743</i>	<i>4.839.835.063</i>
Chi phí vận chuyển, xếp dỡ	2.269.994.996	1.190.188.350
Chi phí lưu bãi	3.243.083.758	3.104.857.350
Các chi phí khác	49.812.989	544.789.363
Cộng	<u>20.400.109.725</u>	<u>23.162.649.428</u>

15. Phải trả khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>16.460.710.372</i>	<i>17.458.451.022</i>
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành ⁽ⁱ⁾	10.598.617.337	13.378.334.623
- Vốn góp hợp tác kinh doanh	6.000.000.000	-
- Phải trả lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	4.598.617.337	13.378.334.623
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng – lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱ⁾	5.841.093.035	4.080.116.399
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn- Phải trả về thu chi hộ	21.000.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>14.688.583.215</i>	<i>16.574.207.271</i>
Kinh phí công đoàn	460.315.544	801.511.464
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	807.034.261	722.401.407
Cổ tức phải trả	6.367.886.723	6.653.390.071
Đặt cọc thuê văn phòng	100.000.000	283.806.100
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One - Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.299.656.040	1.125.671.572
Phải trả Công ty Hiệp Huy Hoàng	-	4.922.483.282
- phải trả về hợp tác kinh doanh		
Phải trả về thu hộ tiền cước container	2.391.772.510	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.261.918.137	2.064.943.375
Cộng	<u>31.149.293.587</u>	<u>34.032.658.293</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	20.813.210.000	26.813.210.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	-	6.000.000.000
- Vốn góp hợp tác kinh doanh ⁽ⁱ⁾		
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng – Vốn góp hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱ⁾	18.750.000.000	18.750.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng - Đặt cọc tiền thuê văn phòng	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng - Đặt cọc tiền thuê văn phòng	63.210.000	63.210.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	15.318.416.504	17.134.610.404
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One - Vốn góp hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	12.500.000.000	12.500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.818.416.504	4.634.610.404
Cộng	36.131.626.504	43.947.820.404

Thông tin bổ sung về các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

- (i) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 490/HĐ-GNVT-KHKD ngày 30 tháng 5 năm 2014, Biên bản thỏa thuận tăng vốn ngày 25 tháng 5 năm 2016 và các thỏa thuận bổ sung về hợp tác kinh doanh khai thác bãi Container và các dịch vụ liên quan đến xếp dỡ container hàng imo, cont tank tại Depot 6 – Cảng Cát Lái, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 7.500.000.000 VND tương đương 50%; Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành góp 6.000.000.000 VND tương đương 40%; Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai góp 1.500.000.000 VND, tương đương 10%. Thời hạn hợp tác được tự động gia hạn theo thời hạn thuê bãi. Tại thời điểm 31/12/2024, các bên đang hoàn tất các thủ tục để kết thúc hoạt động hợp tác kinh doanh này.
- (ii) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 612/2015/TCL-HT-TT ngày 26 tháng 10 năm 2015 và Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 10 tháng 01 năm 2017 về việc hợp tác kinh doanh để thực hiện dự án “nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đầu tư xây dựng, khai thác tòa nhà văn phòng làm việc” tại phường Mỹ Thạnh Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, 3 bên tham gia gồm: Công ty góp 50%; Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng góp 30% và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Tiếp vận Union One (nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thủ Thiêm) góp 20% tổng vốn đầu tư của dự án. Công ty là bên đại diện cho hợp doanh. Thời hạn của hợp đồng là 50 năm.

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Nhóm Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Á Châu - Hội sở - Vay ngắn hạn ^(*)	25.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam		
- Chi nhánh Sài Gòn - Vay dài hạn đến hạn trả	7.249.712.000	7.249.712.000
(Xem thuyết minh số V.16b)		
Cộng	32.249.712.000	7.249.712.000

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Khoản vay theo Hợp đồng ngày 27/12/2024, số tiền vay là 25 tỷ VND với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay 3 tháng kể từ ngày kế tiếp của ngày nhận tiền vay lần đầu tiên. Lãi suất trong hạn là 5%/năm. Tài sản thế chấp là toàn bộ số dư bao gồm số vốn gốc và lãi phát sinh của tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại cùng ngân hàng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.249.712.000	7.249.712.000
Số tiền vay phát sinh	25.000.000.000	-
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	7.249.712.000	7.249.712.000
Số tiền vay đã trả	(7.249.712.000)	(7.249.712.000)
Số cuối năm	32.249.712.000	7.249.712.000

16b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.811.700.252	9.061.412.252
- Chi nhánh Sài Gòn		

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngày 24/01/2018, để đầu tư dự án: "Nhận chuyển nhượng QSDĐ và Đầu tư xây dựng khai thác tòa nhà làm việc" tại lô 11, Khu dân cư số 1, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Q2, TPHCM. Tổng số tiền hợp đồng tín dụng là: 62.500.000.000 VND, trong vòng 18 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Các khoản vay phải hoàn trả theo 28 lần hoàn trả bằng nhau vào mỗi quý, bắt đầu vào tháng thứ 15 kể từ ngày rút vốn lần đầu. Lãi suất thả nổi, được xác định thời điểm giải ngân (lãi suất năm 2024 là 7 - 8%/năm). Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và công trình trên đất hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	7.249.712.000	7.249.712.000
Trên 1 năm đến 5 năm	1.811.700.252	9.061.412.252
Trên 5 năm	-	-
Cộng	9.061.412.252	16.311.124.252

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.061.412.252	16.311.124.252
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(7.249.712.000)	(7.249.712.000)
Số cuối năm	1.811.700.252	9.061.412.252

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban điều hành	Cộng
Số đầu năm	8.800.998.187	9.035.925.883	-	17.836.924.070
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	11.717.687.705	11.700.581.829	647.589.368	24.065.858.902
Tăng do Công ty mẹ cấp	70.480.000	-	-	70.480.000
Chi quỹ trong năm	(10.790.000.000)	(11.979.670.250)	(647.589.368)	(23.417.259.618)
Số cuối năm	9.799.165.892	8.756.837.462	-	18.556.003.354

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Năm 2023							
Số dư đầu năm	301.584.360.000	20.712.126.338	1.512.000.000	117.878.265.220	91.330.786.960	22.569.499.167	555.587.037.685
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	134.162.690.792	258.627.782	134.421.318.574
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	-	(67.278.359.046)	(348.067.156)	(67.626.426.202)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	-	(772.000.000)	-	(772.000.000)
Điều chỉnh chia lãi liên doanh của năm 2022	-	-	-	-	100.000.000	-	100.000.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	40.127.182.411	(62.949.624.379)	-	(22.822.441.968)
Trích lập các quỹ từ công ty con	-	-	-	26.923.190	(40.384.785)	(12.931.389)	(26.392.984)
Số dư cuối năm	301.584.360.000	20.712.126.338	1.512.000.000	158.032.370.821	94.553.109.542	22.467.128.404	598.861.095.105
Năm 2024							
Số dư đầu năm	301.584.360.000	20.712.126.338	1.512.000.000	158.032.370.821	94.553.109.542	22.467.128.404	598.861.095.105
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	146.060.376.424	167.622.379	146.227.998.803
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	-	(70.160.060.957)	(210.034.504)	(70.370.095.461)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	-	(647.589.368)	-	(647.589.368)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	40.912.320.960	(64.313.484.618)	-	(23.401.163.658)
Trích lập các quỹ từ công ty con	-	-	-	17.449.514	(26.174.271)	(8.381.119)	(17.105.876)
Số dư cuối năm	301.584.360.000	20.712.126.338	1.512.000.000	158.032.370.821	94.553.109.542	22.467.128.404	650.653.139.545

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	153.812.730.000	153.812.730.000
Các cổ đông khác	147.771.630.000	147.771.630.000
Cộng	301.584.360.000	301.584.360.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	30.158.436	30.158.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	30.158.436	30.158.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.158.436	30.158.436

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Tại Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (Công ty mẹ):

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 453/NQ-ĐHĐCĐTN.2024 ngày 06 tháng 6 năm 2024 như sau:

	VND
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế năm 2023	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 70.160.060.957
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	: 647.589.368
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024	
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế)	: 40.912.320.960
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (25% quỹ lương thực hiện)	: 23.401.163.658

Tại Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai (Công ty con):

Trong năm, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

	VND
Phân phối lợi nhuận năm 2023	
• Trích quỹ đầu tư phát triển (10% Lợi nhuận sau thuế)	: 428.680.727
Phân phối lợi nhuận năm 2024	
• Trích quỹ đầu tư phát triển (10% Lợi nhuận sau thuế)	: 34.211.752
• Trích quỹ khen thưởng (5% Lợi nhuận sau thuế)	: 17.105.876

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 65,34 USD (số đầu năm là 65,34 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ vận tải, xếp dỡ	296.386.123.479	288.882.798.091
Doanh thu dịch vụ Depot	1.264.271.175.532	1.150.744.951.412
Doanh thu dịch vụ khác	70.526.321.045	89.787.755.952
Cộng	1.631.183.620.056	1.529.415.505.455

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	814.562.433.109	860.187.364.491
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	3.506.759.677	2.937.225.569
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	8.008.127.887	3.132.684.186
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	1.908.271.778	1.625.936.709
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	705.011.723	1.747.696.265
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	526.662.500	228.147.500
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	250.535.600	194.699.545
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng - Hiệp Phước	3.317.111.704	1.296.050.746
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	54.581.091	192.106.364
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	1.065.728.151	1.316.400.791
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	9.630.000	16.000.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	114.400.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Hoa Tiêu Tân Cảng	5.309.995.446	5.294.623.080
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	29.489.000	23.121.818
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	2.564.978.519	785.677.407

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn dịch vụ cung cấp trong năm.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.716.886.663	11.568.901.070
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	23.944.430	69.267.998
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.764.871.500	5.899.540.500
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	81.021	46.718
Cộng	11.505.783.614	17.537.756.286

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	503.814.945	1.025.856.761

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng dịch vụ	24.134.310.883	27.246.350.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.616.642.388	3.370.850.168
Các chi phí khác	2.839.953.300	4.560.007.841
Cộng	30.590.906.571	35.177.208.068

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	40.702.590.278	38.120.996.358
Chi phí vật liệu quản lý	74.346.597	74.872.483
Chi phí đồ dùng văn phòng	878.880.068	1.048.749.101
Chi phí khấu hao tài sản cố định	745.709.423	795.697.298
Thuế, phí và lệ phí	413.071.027	117.151.891
Dự phòng phải thu khó đòi	103.708.462	413.012.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.628.565.951	9.012.854.670
Các chi phí khác	22.053.064.628	20.590.977.485
Cộng	73.599.936.434	70.174.311.898

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	557.480.909
Tiền bồi thường	1.963.377	1.558.718.789
Thu nhập khác	5.252.239	18.579.700
Cộng	7.215.616	2.134.779.398

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	146.060.376.424	134.162.690.792
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ Ban điều hành của Cổ đông Công ty mẹ	(23.409.888.415)	(23.483.492.931)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	122.650.488.009	110.679.197.861
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	30.158.436	30.158.436
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.067	3.670

(i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại, giảm từ 3.691 VND xuống còn 3.670 VND, do xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 453/NQ-ĐHĐCĐTN.2024 ngày 06 tháng 6 năm 2024.

(ii) Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay, quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2024.

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.189.468.949	69.927.781.259
Chi phí nhân công	126.375.904.359	119.743.778.098
Chi phí khấu hao tài sản cố định (*)	29.628.242.220	30.730.832.651
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.232.674.954.969	1.140.507.365.574
Chi phí khác	35.059.950.410	34.611.230.323
Cộng	1.486.928.520.907	1.395.520.987.905
(*) Tổng chi phí khấu hao đã trích trong năm (thuyết minh V.9, V.10)	31.082.480.064	32.185.070.495
Khấu hao phân chia các bên hợp tác kinh doanh	(1.454.237.844)	(1.454.237.844)
Chi phí khấu hao của Công ty	29.628.242.220	30.730.832.651

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm nay	Năm trước
Ông Lê Hoàng Linh	Chủ tịch HĐQT	1.468.126.107	1.487.321.024
Ông Lê Văn Cường	Thành viên HĐQT/Giám đốc	1.433.047.221	1.410.760.042
Ông Hoàng Đức Thịnh	Thành viên HĐQT	109.814.567	117.540.373
Ông Nguyễn Xuân Bình	Thành viên HĐQT	-	28.770.186
Ông Phạm Trung Nghị	Thành viên HĐQT	109.814.567	88.770.186
Ông Ngô Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT/Phó Giám đốc	530.091.340	88.770.186
Ông Phạm Văn Phụng	Trưởng ban kiểm soát	109.814.567	117.540.373
Ông Trần Văn Trường	Thành viên kiểm soát	675.642.157	635.221.551
Bà Lê Thị Kim Chung	Thành viên kiểm soát	69.851.653	76.032.298
Ông Đặng Thanh Sơn	Phó Giám đốc	898.658.162	966.370.821
Ông Châu Thanh Hải	Phó Giám đốc	1.322.674.836	930.618.081
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	892.404.836	875.882.361
Bà Phạm Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	837.469.499	794.736.524
Cộng		8.457.409.513	7.618.334.007

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác có phát sinh giao dịch với nhóm Công ty có phát sinh giao dịch trong năm gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cát Lái - Đông Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Phú Hữu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tan Cang Shipping	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Sử dụng dịch vụ của Công ty mẹ	14.795.073.951	13.578.595.145
Chia cổ tức cho Công ty mẹ	35.782.725.977	34.313.013.032
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái		
Cổ tức được chia	3.217.500.000	4.554.000.000
Sử dụng dịch vụ của các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	264.627.000	432.160.380
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	3.841.429.000	8.142.111.550
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	53.474.467.440	50.408.399.180
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	139.580.000	4.084.623.599
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC	341.434.049	159.082.168

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 470 đường Đồng Văn Cống, phường Thanh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng HMM	31.870.365	91.974.407
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	128.264.815	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	148.605.000	2.064.800.072
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	229.156.000	174.790.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	138.848.600	133.705.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	-	8.490.000
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	443.731.750	354.614.000
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	861.111	14.213.637
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	37.452.132.109	33.154.194.780
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	100.395.500	723.920.200
Công ty Cổ phần Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	568.209.332	550.851.228
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	-	118.972.730

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.12, V.14 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Nhóm Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Xuân Tân

Phạm Thị Thu Hà

Lê Văn Cường



CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
FOR THE FISCAL YEAR ENDED 31 DECEMBER 2024

TAN CANG
LOGISTICS AND STEVEDORING
JOINT STOCK COMPANY

CONTENTS

	Page
1. Contents	1
2. Statement of the Board of Management	2 - 3
3. Independent Auditor's Report	4 - 5
4. Consolidated Balance Sheet as at 31 December 2024	6 - 9
5. Consolidated Income Statement for the fiscal year ended 31 December 2024	10
6. Consolidated Cash Flow Statement for the fiscal year ended 31 December 2024	11 - 12
7. Notes to the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024	13 - 39

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") presents this statement together with the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024 including the Financial Statements of the Company and its subsidiary (hereinafter collectively referred to as "the Group").

Business highlights

Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company is a joint stock company operating in accordance with the 1st Business Registration Certificate No. 4103006182 dated 8 March 2007 granted by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City. During the course of operation, the Company has been additionally 12 times granted by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City with the amended Business Registration Certificates. In which, the 12th amended Business Registration Certificate dated 8 March 2021 was due to the change in the Company's address.

Head office

- Address : No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City
- Tel. : 028 73073979
- Fax : 028 37423027

The principal business activities of the Company are:

- Trading freight transport by car, inland waterway;
- Services of logistics;
- Services of import and export freight forwarding;
- Sea freight agent;
- Services of loading and unloading goods;
- Services of customs clearance; and
- Services of leasing warehouses, yards, tally and packaging goods.

Board of Directors, Board of Supervisors and Executive Officers

The members of the Board of Directors, the Board of Supervisors, the Board of Management and the Chief Accountant of the Company during the year and as of the date of this statement include:

Board of Directors

Full name	Position	Appointing date/re-appointing date
Mr. Le Hoang Linh	Chairman	Appointed on 22 May 2020
Mr. Le Van Cuong	Member	Re-appointed on 6 June 2024
Mr. Hoang Duc Thinh	Member	Appointed on 15 June 2021
Mr. Ngo Ngoc Khanh	Member	Appointed on 16 June 2022
Mr. Pham Trung Nghi	Member	Appointed on 16 June 2022

Board of Supervisors

Full name	Position	Appointing date
Mr. Pham Van Phuong	Head of BOS	15 June 2021
Ms. Le Thi Kim Chung	Member	15 June 2021
Mr. Tran Van Truong	Member	16 June 2022

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT (cont.)

Executive Officers

Full name	Position	Appointing date/resigning date
Mr. Le Van Cuong	Director	Appointed on 26 February 2020
Mr. Chau Thanh Hai	Deputy Director	Appointed on 08 February 2021
Mr. Nguyen Van Hoa	Deputy Director	Appointed on 30 November 2021
Mr. Ngo Ngoc Khanh	Deputy Director	Appointed on 19 February 2024
Mr. Dang Thanh Son	Deputy Director	Resigned on 07 November 2024
Ms. Pham Thi Thu Ha	Chief Accountant	Appointed on 19 November 2019

Legal representative

The legal representative of the Company during the year and as of the date of this statement is Mr. Le Van Cuong.

Auditor

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. has been appointed to perform the audit on the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024 of the Group.

Responsibilities of the Board of Management

The Board of Management is responsible for the preparation of the Consolidated Financial Statements to give a true and fair view on the consolidated financial position, the consolidated financial performance and the consolidated cash flows of the Group during the year. In order to prepare these Consolidated Financial Statements, the Board of Management must:

- select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- make judgments and estimates reasonably and prudently;
- state clearly whether the accounting standards applied to the Group are followed or not, and all the material differences from these standards are disclosed and explained in the Consolidated Financial Statements;
- prepare the Consolidated Financial Statements of the Group on the going-concern basis, except for the cases that the going-concern assumption is considered inappropriate; and
- design and implement effectively the internal control system to minimize the risks of material misstatements due to frauds or errors in the preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements.

The Board of Management hereby ensures that all the proper accounting books of the Group have been fully recorded and can fairly reflect the financial position of the Group at any time, and that all the accounting books have been prepared in compliance with the applicable Accounting System. The Board of Management is also responsible for managing the Group's assets and consequently has taken appropriate measures to prevent and detect frauds and other irregularities.

The Board of Management hereby commits to the compliance with the aforementioned requirements in preparation of the Consolidated Financial Statements.

Approval on the Financial Statements

The Board of Management hereby approves the accompanying Consolidated Financial Statements, which give a true and fair view of the consolidated financial position as at 31 December 2024, the consolidated financial performance and the consolidated cash flows for the fiscal year then ended of the Group in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

For and on behalf of the Board of Management,

Director



Le Van Cuong

25 February 2025

498
CHI
CÔN
NH
TOÁN
A
TẠI
G ĐA

No. 2.0109/25/TC-AC

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

THE SHAREHOLDERS, THE BOARD OF DIRECTORS AND THE BOARD OF MANAGEMENT TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

We have audited the accompanying Consolidated Financial Statements of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") and its subsidiary (hereinafter collectively referred to as "the Group"), which were prepared on 25 February 2025, from page 06 to page 39, including the Consolidated Balance Sheet as at 31 December 2024, the Consolidated Income Statement, the Consolidated Cash Flow Statement for the fiscal year then ended and the Notes to the Consolidated Financial Statements.

Responsibility of the Board of Management

The Company's Board of Management is responsible for the preparation, true and fair presentation of the Group's Consolidated Financial Statements in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements; and responsible for the internal control as the Board of Management determines necessary to enable the preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements to be free from material misstatement due to fraud or error.

Responsibility of Auditors

Our responsibility is to express an opinion on the Consolidated Financial Statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with the Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical standards and requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Group's Consolidated Financial Statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Consolidated Financial Statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the Consolidated Financial Statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Group's preparation and true and fair presentation of the Consolidated Financial Statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Group's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the Consolidated Financial Statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Opinion of Auditors

In our opinion, the Consolidated Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position as at 31 December 2024 of Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company and its subsidiary, its consolidated financial performance and its consolidated cash flows for the fiscal year then ended in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

Other matter

The Auditor's Report on the Group's Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024 is prepared in Vietnamese and English. Should there be any conflict between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall take precedence.

For and on behalf of

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.

Hanoi Branch



Nguyen Hoang Duc – Partner

Audit Practice Registration Certificate:

No. 0368-2023-008-1

Authorized signatory

Hanoi, 25 February 2025



Vu Tuan Nghia – Auditor

Audit Practice Registration Certificate:

No. 4028-2022-008-1

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

As at 31 December 2024

Unit: VND

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
A - CURRENT ASSETS	100		663,244,375,700	474,241,740,927
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	55,519,125,648	71,071,180,963
1. Cash	111		13,519,125,648	20,071,180,963
2. Cash equivalents	112		42,000,000,000	51,000,000,000
II. Short-term financial investments	120		145,102,279,452	138,800,000,000
1. Trading securities	121		-	-
2. Provisions for diminution in value of trading securities	122		-	-
3. Held-to-maturity investments	123	V.2a	145,102,279,452	138,800,000,000
III. Short-term receivables	130		444,458,326,105	248,269,964,734
1. Short-term trade receivables	131	V.3	428,124,364,646	231,658,324,499
2. Short-term prepayments to suppliers	132	V.4	2,399,837,389	2,021,727,046
3. Short-term inter-company receivables	133		-	-
4. Receivables based on the progress of construction contracts	134		-	-
5. Receivables for short-term loans	135		-	-
6. Other short-term receivables	136	V.5a	14,846,581,813	15,398,662,470
7. Allowance for short-term doubtful debts	137	V.6	(912,457,743)	(808,749,281)
8. Deficit assets for treatment	139		-	-
IV. Inventories	140		13,096,217,340	12,916,648,263
1. Inventories	141	V.7	13,096,217,340	12,916,648,263
2. Allowance for devaluation of inventories	149		-	-
V. Other current assets	150		5,068,427,155	3,183,946,967
1. Short-term prepaid expenses	151	V.8a	3,125,709,558	2,114,848,569
2. Deductible VAT	152		1,942,717,597	1,069,098,398
3. Taxes and other receivables from the State	153		-	-
4. Trading Government bonds	154		-	-
5. Other current assets	155		-	-

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Consolidated Balance Sheet (cont.)

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
B - NON-CURRENT ASSETS	200		447,392,005,771	466,240,563,442
I. Long-term receivables	210		17,991,300,000	19,991,300,000
1. Long-term trade receivables	211		-	-
2. Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3. Working capital in affiliates	213		-	-
4. Long-term inter-company receivables	214		-	-
5. Receivables for long-term loans	215		-	-
6. Other long-term receivables	216	V.5b	17,991,300,000	19,991,300,000
7. Allowance for long-term doubtful debts	219		-	-
II. Fixed assets	220		247,426,512,763	273,824,340,980
1. Tangible fixed assets	221	V.9	225,303,166,653	250,955,322,214
<i>Historical costs</i>	222		904,665,685,355	899,981,033,508
<i>Accumulated depreciation</i>	223		(679,362,518,702)	(649,025,711,294)
2. Financial leased assets	224		-	-
<i>Historical costs</i>	225		-	-
<i>Accumulated depreciation</i>	226		-	-
3. Intangible fixed assets	227	V.10	22,123,346,110	22,869,018,766
<i>Historical costs</i>	228		28,691,911,391	28,691,911,391
<i>Accumulated amortization</i>	229		(6,568,565,281)	(5,822,892,625)
III. Investment properties	230		-	-
<i>Historical costs</i>	231		-	-
<i>Accumulated depreciation</i>	232		-	-
IV. Long-term assets in progress	240	V.11	3,408,141,075	2,956,427,324
1. Long-term work in progress	241		-	-
2. Construction-in-progress	242		3,408,141,075	2,956,427,324
V. Long-term financial investments	250		146,340,870,928	138,745,032,990
1. Investments in subsidiaries	251		-	-
2. Investments in joint ventures and associates	252	V.2b	119,861,390,928	112,265,552,990
3. Investments in other entities	253	V.2c	26,479,480,000	26,479,480,000
4. Provisions for diminution in value of long-term financial investments	254		-	-
5. Held-to-maturity investments	255		-	-
VI. Other non-current assets	260		32,225,181,005	30,723,462,148
1. Long-term prepaid expenses	261	V.8b	32,225,181,005	30,723,462,148
2. Deferred income tax assets	262		-	-
3. Long-term components and spare parts	263		-	-
4. Other non-current assets	268		-	-
5. Goodwill	269		-	-
TOTAL ASSETS	270		1,110,636,381,471	940,482,304,369

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Consolidated Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
C - LIABILITIES	300		459,983,241,926	341,621,209,264
I. Current liabilities	310		422,039,915,170	288,611,976,608
1. Short-term trade payables	311	V.12	272,139,149,586	166,169,666,280
2. Short-term advances from customers	312		507,226,395	332,767,062
3. Taxes and other obligations to the State Budget	313	V.13	12,301,808,364	13,218,910,454
4. Payables to employees	314		34,736,612,159	26,608,689,021
5. Short-term accrued expenses	315	V.14	20,400,109,725	23,162,649,428
6. Short-term inter-company payables	316		-	-
7. Payables based on the progress of construction contracts	317		-	-
8. Short-term unearned revenue	318		-	-
9. Other short-term payables	319	V.15a	31,149,293,587	34,032,658,293
10. Short-term borrowings and financial leases	320	V.16a	32,249,712,000	7,249,712,000
11. Short-term provisions	321		-	-
12. Bonus and welfare funds	322	V.17	18,556,003,354	17,836,924,070
13. Price stabilization fund	323		-	-
14. Trading Government bonds	324		-	-
II. Non-current liabilities	330		37,943,326,756	53,009,232,656
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Inter-company payables for working capital	334		-	-
5. Long-term inter-company payables	335		-	-
6. Long-term unearned revenue	336		-	-
7. Other long-term payables	337	V.15b	36,131,626,504	43,947,820,404
8. Long-term borrowings and financial leases	338	V.16b	1,811,700,252	9,061,412,252
9. Convertible bonds	339		-	-
10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred income tax liabilities	341		-	-
12. Long-term provisions	342		-	-
13. Science and technology development fund	343		-	-

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Consolidated Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
D - OWNER'S EQUITY	400		650,653,139,545	598,861,095,105
I. Owner's equity	410	V.18	650,653,139,545	598,861,095,105
1. Owner's contribution capital	411		301,584,360,000	301,584,360,000
- Ordinary shares carrying voting right	411a		301,584,360,000	301,584,360,000
- Preferred shares	411b		-	-
2. Share premiums	412		20,712,126,338	20,712,126,338
3. Bond conversion options	413		-	-
4. Other sources of capital	414		1,512,000,000	1,512,000,000
5. Treasury shares	415		-	-
6. Differences on asset revaluation	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Investment and development fund	418		198,962,141,295	158,032,370,821
9. Business arrangement supporting fund	419		-	-
10. Other funds	420		-	-
11. Retained earnings	421		105,466,176,752	94,553,109,542
- Retained earnings accumulated to the end of the previous period	421a		23,745,459,217	94,553,109,542
- Retained earnings of the current period	421b		81,720,717,535	-
12. Construction investment fund	422		-	-
13. Non-controlling interests	429		22,416,335,160	22,467,128,404
II. Other sources and funds	430		-	-
1. Sources of expenditure	431		-	-
2. Fund to form fixed assets	432		-	-
TOTAL RESOURCES	440		1,110,636,381,471	940,482,304,369

Prepared on 25 February 2025

Prepared by

Chief Accountant

Director



Nguyen Xuan Tan



Pham Thi Thu Ha



Le Van Cuong

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

For the fiscal year ended 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services	01	VI.1	1,631,183,620,056	1,529,415,505,455
2. Revenue deductions	02		-	-
3. Net revenue from sales of merchandise and rendering of services	10		1,631,183,620,056	1,529,415,505,455
4. Costs of sales	11	VI.2	1,382,737,677,902	1,290,169,467,939
5. Gross profit/ (loss) from sales of merchandise and rendering of services	20		248,445,942,154	239,246,037,516
6. Financial income	21	VI.3	11,505,783,614	17,537,756,286
7. Financial expenses	22	VI.4	503,814,945	1,025,856,761
In which: Interest expenses	23		503,814,945	1,025,856,761
8. Profit/ (loss) in joint ventures, associates	24	V.2b	21,920,604,178	11,687,964,202
9. Selling expenses	25	VI.5	30,590,906,571	35,177,208,068
10. General and administration expenses	26	VI.6	73,599,936,434	70,174,311,898
11. Net operating profit/ (loss)	30		177,177,671,996	162,094,381,277
12. Other income	31	VI.7	7,215,616	2,134,779,398
13. Other expenses	32		168,826,313	107,850,081
14. Other profit/ (loss)	40		(161,610,697)	2,026,929,317
15. Total accounting profit/ (loss) before tax	50		177,016,061,299	164,121,310,594
16. Current income tax	51	V.13	30,788,062,496	29,699,992,020
17. Deferred income tax	52		-	-
18. Profit/ (loss) after tax	60		<u>146,227,998,803</u>	<u>134,421,318,574</u>
19. Profit/ (loss) after tax of the Parent Company	61		<u>146,060,376,424</u>	<u>134,162,690,792</u>
20. Profit/ (loss) after tax of non-controlling shareholders	62		<u>167,622,379</u>	<u>258,627,782</u>
21. Basic earnings per share	70	VI.8	<u>4,067</u>	<u>3,670</u>
22. Diluted earnings per share	71	VI.8	<u>4,067</u>	<u>3,670</u>

Prepared by



Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant



Pham Thi Thu Ha

Prepared on 25 February 2025

Director



Le Van Cuong

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

(Indirect method)

For the fiscal year ended 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit/ (loss) before tax	01		177,016,061,299	164,121,310,594
2. Adjustments				
- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties	02	VI.9	29,628,242,220	30,730,832,651
- Provisions and allowances	03	VI.6	103,708,462	413,012,612
- Exchange (gain)/ loss due to revaluation of monetary items in foreign currencies	04	VI.3	(81,021)	(46,718)
- (Gain)/ loss from investing activities	05		(19,077,596,101)	(18,025,922,479)
- Interest expenses	06	VI.4	503,814,945	1,025,856,761
- Others	07		-	
3. Operating profit/ (loss) before changes of working capital	08		188,174,149,804	178,265,043,421
- (Increase)/ decrease of receivables	09		(193,054,779,954)	(92,472,756,680)
- (Increase)/ decrease of inventories	10		(179,569,077)	(3,568,526,370)
- Increase/ (decrease) of payables	11		102,515,547,402	82,874,050,453
- (Increase)/ decrease of prepaid expenses	12		(2,512,579,846)	(19,818,046,292)
- (Increase)/ decrease of trading securities	13		-	-
- Interests paid	14		(480,930,774)	(1,025,856,761)
- Corporate income tax paid	15		(31,904,122,003)	(27,856,722,351)
- Other cash inflows from operating activities	16	V.17	70,480,000	53,000,000
- Other cash outflows from operating activities	17	V.17	(23,417,259,618)	(17,840,997,750)
Net cash flows from operating activities	20		39,210,935,934	98,609,187,670
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchases and construction of fixed assets and other non-current assets	21		(7,388,415,498)	(16,248,736,230)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other non-current assets	22		-	557,480,909
3. Cash outflows for lending, buying debt instruments of other entities	23		(85,000,000,000)	(88,000,000,000)
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24		78,697,720,548	41,200,000,000
5. Investments into other entities	25		-	-
6. Withdrawals of investments in other entities	26		-	-
7. Interests earned, dividends and profits received	27		11,622,898,985	17,136,171,433
Net cash flows from investing activities	30		(2,067,795,965)	(45,355,083,888)

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong Road, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Consolidated Cash Flow Statement (cont.)

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
III. Cash flows from financing activities				
1. Proceeds from issuing stocks and capital contributions from owners	31		-	
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	
3. Proceeds from borrowings	33	V.16	25,000,000,000	
4. Repayment for loan principal	34	V.16	(7,249,712,000)	(7,249,712,000)
5. Payments for financial leased assets	35		-	-
6. Dividends and profits paid to the owners	36		(70,445,564,305)	(66,076,716,821)
<i>Net cash flows from financing activities</i>	<i>40</i>		<i>(52,695,276,305)</i>	<i>(73,326,428,821)</i>
Net cash flows during the year	50		(15,552,136,336)	(20,072,325,039)
Beginning cash and cash equivalents	60	V.1	71,071,180,963	91,143,459,284
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		81,021	46,718
Ending cash and cash equivalents	70	V.1	55,519,125,648	71,071,180,963

Prepared by



Nguyen Xuan Tan

Chief Accountant



Pham Thi Thu Ha

Prepared on 25 February 2025

Director



Le Van Cuong

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

I. GENERAL INFORMATION**1. Ownership form**

Tan Cang Logistics and Stevedoring Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company" or "the Parent Company") is a joint stock company.

2. Operating field

The Company operates in the field of service.

3. Principal business activities

The principal business activities of the Company are:

- Trading freight transport by car, inland waterway;
- Services of logistics;
- Services of import and export freight forwarding;
- Sea freight agent;
- Services of loading and unloading goods;
- Services of customs clearance; and
- Services of leasing warehouses, yards, tally and packaging goods.

4. Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Company is within 12 months.

5. Statement on information comparability in the Consolidated Financial Statements

The corresponding figures of the previous year are comparable to those of the current year.

6. Structure of the Group

The Group includes the Parent Company and one subsidiary under the control of the Parent Company which is consolidated in these Consolidated Financial Statements.

Subsidiaries

The Company only invests in one subsidiary which is Dong Nai Newport Logistics JSC. located at Tan Cang Nhon Trach Port, Hamlet 3, Phu Thanh Commune, Nhon Trach District, Dong Nai Province. The principal business activity of this subsidiary is seaport service. As of the balance sheet date, the Company's contribution rate in this subsidiary was 51%, the voting rate and the benefit rate were equivalent to the contribution rate.

Associates

Name of companies	Address	Principal business activities	Contribution rate	Ownership rate	Voting rate
Tan Cang Ben Thanh Corporation	1295B Nguyen Thi Dinh, Cat Lai Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City	Seaport service	36.00%	36.00%	36.00%
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	Ha Doan, Dong Hai 2, Hai An, Hai Phong	Seaport service	36.00%	36.00%	36.00%

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

Name of companies	Address	Principal business activities	Contribution rate	Ownership rate	Voting rate
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	938/180 Nguyen Thi Dinh, Quarter 3, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City	Seaport service	20.00%	20.00%	20.00%

7. Employees

As of the balance sheet date, there were 364 employees working for the companies in the Group (at the beginning of the year: 375 employees).

II. FISCAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

1. Fiscal year

The fiscal year of the Company is from 1 January to 31 December annually.

2. Accounting currency unit

The accounting currency unit is Vietnam Dong (VND) because payments and receipts of the Group are primarily made in VND.

III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Accounting System

The Group applies the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 on guidelines for accounting policies for enterprises, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016, the Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 giving guidance on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements as well as other Circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

2. Statement on the compliance with the Accounting Standards and System

The Board of Management ensures to follow all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016, the Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 as well as other Circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

IV. ACCOUNTING POLICIES

1. Basis of preparation of the Consolidated Financial Statements

All the Consolidated Financial Statements are prepared on the accrual basis (except for the information related to cash flows).

The Consolidated Financial Statements are prepared in Vietnamese and English, in which the Consolidated Financial Statements in Vietnamese are the official statutory financial statements of the Group. The Consolidated Financial Statements in English have been translated from the Vietnamese version. Should there be any conflict between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall take precedence.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

2. Basis of consolidation

The Consolidated Financial Statements include the Financial Statements of the Parent Company and the Financial Statements of its subsidiaries. A subsidiary is a business that is controlled by the Parent Company. The control exists when the Parent Company has the power to directly or indirectly govern the financial and operating policies of the subsidiary to obtain economic benefits from its activities. In determining the control power, the potential voting right arising from share call options, debt or equity instruments that are convertible into ordinary shares as of the balance sheet date shall be taken into consideration.

The business performance results of the subsidiaries that are acquired or disposed of during the period are included in the Consolidated Income Statement from the date of acquisition or until the date of disposal of those subsidiaries.

The Financial Statements of the Parent Company and its subsidiaries used for consolidation are prepared for the same accounting period and apply consistent accounting policies for similar transactions and events in similar circumstances. In case the subsidiaries' accounting policies are different from those that are applied consistently within the Group, the appropriate adjustments should be made to the subsidiaries' Financial Statements before they are used to prepare the Consolidated Financial Statements.

Intra-group balances in the balance sheet and intra-group transactions and unrealized intra-group gains or losses resulting from these transactions are eliminated when preparing the Consolidated Financial Statements. Unrealized losses resulting from intra-group transactions are also eliminated unless costs that cause those losses cannot be recovered.

performance results and net assets that are not held by the Parent Company and are presented in a specific item in the Consolidated Income Statement and the Consolidated Balance Sheet (as a part of the owner's equity). NCI include the value of NCI at the date of initial business combination and those in the changes of owner's equity commencing from that date. Losses arising in subsidiaries are allocated to NCI based on the non-controlling shareholders' ownership rate in the subsidiaries, even if those losses exceed the non-controlling shareholders' ownership in the net assets of the subsidiaries.

When the Parent Company contributes capital to increase the benefit rate in an existing subsidiary, the difference between the consideration transferred for the additional investment and the carrying amount of the subsidiary's net assets that are additional purchased at the acquisition date is recorded as "Retained earnings" on the Consolidated Balance Sheet.

3. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand and demand deposits in banks. Cash equivalents are short-term investments of which the due dates do not exceed 3 months from the dates of the investments that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value as of the balance sheet date.

4. Financial investments

Held-to-maturity investments

Investments are classified as held-to-maturity investments that the Group intends and is able to hold to maturity. Held-to-maturity investments only include held-to-maturity term deposits in bank for the purpose of earning periodical interest.

Interest income from term deposits in bank is recognized in the Income Statement on the accrual basis.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

Investments in associates

An associate is an entity which the Group has significant influence but does not have the right to control its financial and operating policies. Significant influence is the right to participate in making resolution on the associate's financial and operating policies but not control those policies.

Investments in associates are recognized in accordance with the equity method. Accordingly, the investments in associates are presented in the Consolidated Financial Statements by the initial investment costs and adjusted for changes in benefits on net assets of associates after the investment date. If the benefits of the Group in losses of associates are higher than or equal to book value of the investments, the value of investments will be presented in the Consolidated Financial Statements as zero unless the Group has an obligation to make the payment instead of associates.

The Financial Statements of associates are prepared for the same accounting period of the Group. In case the accounting policies of an associate are different from those consistently applied in the Group, the Financial Statements of that associate will be suitably adjusted before being used to prepare the Consolidated Financial Statements.

Unrealized gains and losses from transactions with associates are eliminated by the proportion belong to the Group when preparing the Consolidated Financial Statements.

Investments in equity instruments of other entities

Investments in equity instruments of other entities include such investments in equity instruments that do not enable the Group to have the control, joint control or significant influence on these entities.

Investments in equity instruments of other entities are initially recognized at costs, including cost of purchase plus other directly attributable transaction costs. Dividend and profit of the periods prior to the acquisition of investments are deducted from the cost of such investments. Dividend and profit of the periods after the acquisition of such investments are recorded in the Group's financial income. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

Provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities are made as follows:

- For investments in listed shares or fair value of investments which is reliably measured, provisions are made on the basis of the market value of shares.
- For investments of which the fair value cannot be measured at the time of reporting, provisions are made based on the losses suffered by investees, with the provision amount determined by the difference between owners' actual contributed capital and total owners' equity as of the balance sheet date multiplied (x) by the Group's rate of charter capital owning in these investees.

Increases/ (decreases) in the provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "Financial expenses".

5. Receivables

Receivables are recognized at the carrying amounts less allowance for doubtful debts.

The classification of receivables as trade receivables and other receivables is made according to the following principles:

- Trade receivables reflect receivables concerning the commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Group and customers who are independent to the Group.
- Other receivables reflect receivables not concerning the commercial nature and irrelevant to purchase and sale transactions.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

Allowance is made for each doubtful debt after being offset against liabilities (if any). The allowance rate is based on the debts' overdue period or the estimated loss, as follows:

- As for overdue debts:
 - 30% of the value of debts with the overdue period from 6 months to under 1 year.
 - 50% of the value of debts with the overdue period from 1 year to under 2 years.
 - 70% of the value of debts with the overdue period from 2 years to under 3 years.
 - 100% of the value of debts with the overdue period from or over 3 years.
- As for the debts that are not overdue, but considered as doubtful debts: Allowance is made on the basis of the estimated loss.

Increases/ (decreases) in the allowance for doubtful debts to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "General and administration expenses".

6. Inventories

Inventories are recognized at the lower of cost and net realizable value.

For materials: Costs of inventories comprise costs of purchases and other directly relevant costs incurred in bringing the inventories to their present location and conditions.

The cost of inventories is determined using the weighted average method and recorded in accordance with the perpetual inventory system.

Net realizable value is the estimated selling prices of inventories in an ordinary course of business less the estimated expenses on product completion and other necessary expenses to make the sale.

Allowance for inventories is recognized for each type of inventories when their costs are higher than their net realizable value. Increases/ (decreases) in the allowance for inventories to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "Costs of sales".

7. Prepaid expenses

Prepaid expenses comprise actual expenses arising and relevant to financial performance in several accounting periods. Prepaid expenses of the Group mainly include expenses related to warehouses, yards such as land rental, warehouse and yard construction costs, infrastructure rental and expenses for fixed asset repairs. These prepaid expenses are allocated over the prepayment period or the period in which corresponding economic benefits are generated from these expenses.

Land rental

Prepaid land rental reflects the rental already prepaid for the land being used by the Group and is allocated to expenses using the straight-line method over the lease term.

Warehouse and yard construction costs

The investment costs of construction of an empty container yard (depot) are allocated to expenses in the year using the straight-line method over the warehouse and yard lease term of 05 years.

Infrastructure rental

Infrastructure rental is allocated to expenses using the straight-line method over the lease term.

Expenses for fixed asset repairs

Expenses for fixed asset repairs arising once with high value are allocated to expenses using the straight-line method for the maximum period of 3 years.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

8. Operating leased assets

A lease is classified as an operating lease if significant risks and rewards associated with the ownership belong to the lessor. The lease expenses are allocated to operating expenses using the straight-line method over the lease term and are not dependent on the method of lease payment.

9. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation. Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses paid by the Group to bring the asset to its working condition for its intended use. Other expenses arising subsequent to initial recognition are included into historical costs of fixed assets only if it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into operation costs during the year.

When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation years applied are as follows:

<u>Class of fixed assets</u>	<u>Years</u>
Buildings and structures	6 – 38
Machinery and equipment	3 – 20
Vehicles	5 - 6
Office equipment	3
Perennial plants	2
Other fixed assets	5 - 8

10. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated amortization.

Historical costs of intangible fixed assets include all the costs paid by the Group to bring the asset to its working condition for its intended use. Other costs relevant to intangible fixed assets arising subsequent to initial recognition are included into operation costs during the period, otherwise, these costs are included into historical costs of fixed assets only if they are associated with a specific intangible fixed asset and result in future economic benefits expected to be obtained from the use of the asset.

When an intangible fixed asset is sold or disposed, its historical costs and accumulated amortization are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

The Group's intangible fixed assets include:

Land use right

Land use right includes all the actual expenses paid by the Group directly attributable to the land being used such as expenses to obtain the land use right, expenses for site clearance compensation and ground leveling, registration fees, etc. The land use right is amortized using the straight-line method over the remaining land allocation period of 35 years 9 months.

Computer software

Costs to obtain computer software, which is not a part associated with the relevant hardware, will be capitalized. Costs of computer software include all the expenses paid by the Group until the date the software is put into use. Computer software is amortized using the straight-line method in 03 years.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

11. Construction-in-progress

Construction-in-progress reflects the expenses (including relevant borrowing interest expenses following the accounting policies of the Group) directly attributable to the construction of plants and the installation of machinery and equipment to serve for production, leasing, and management as well as the repair of fixed assets, which have not been completed yet. Assets in the progress of construction and installation are recorded at historical costs and not depreciated.

12. Business cooperation contract ("BCC")

Jointly controlled operations

In respect of its interests in jointly controlled operations, the Group shall recognize in its Financial Statements:

- the assets that the Group controls.
- the liabilities that the Group incurs.
- the revenue that the Group earns from the sale of merchandise or rendering services by the joint venture.
- the expenses that the Group incurs.

13. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recorded based on the amounts payable for merchandise and services already used. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates for the amounts payable.

The classification of payables as trade payables, accrued expenses and other payables is made on the basis of following principles:

- Trade payables reflect payables of commercial nature arising from the purchase of merchandise, services, or assets and the seller is an independent entity with the Group.
- Accrued expenses reflect expenses for goods, services received from suppliers or supplied to customers but have not been paid, invoiced or lack of accounting records and supporting documents; pay on leave payable to employees; and accrual of operating expenses.
- Other payables reflect payables of non-commercial nature and irrelevant to purchase, sales of merchandise or rendering of services.

Payables and accrued expenses are classified into short-term and long-term ones in the Consolidated Balance Sheet based on the remaining terms as of the balance sheet date.

14. Owner's equity

Owner's contribution capital

Owner's contribution capital is recorded according to the actual amounts invested by the shareholders.

Share premiums

The differences between the issuance price and face value upon the IPO, additional issue or the difference between the re-issuance price and carrying value of treasury shares and the equity component of convertible bonds upon maturity date are recognized into share premiums. Expenses directly attributable to the additional issue of shares and the re-issuance of treasury shares are recorded as a decrease in share premiums.

Other sources of capital

Other sources of capital are due to the supplementation from business profits, revaluation of assets and fair value of the assets gifted, granted or sponsored to the Group after deducting taxes payable (if any) related to these assets.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

15. Profit distribution

Profit after tax is distributed to the shareholders after appropriation for funds under the Charter of the Company as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to the shareholders is made in consideration of non-cash items in retained earnings that may affect cash flows and the ability to pay dividends such as gains from revaluation of assets invested in other entities, gains from revaluation of monetary items, financial instruments and other non-cash items.

Dividend is recorded as payables upon approval of the General Meeting of Shareholders.

16. Recognition of revenue and income

Revenue from rendering of services

Revenue from rendering of services shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the services provided under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to return the services rendered.
- The Group received or shall probably receive the economic benefits associated with the rendering of services.
- The stage of completion of the transaction at the end of reporting period can be measured reliably.
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In the case that the services are rendered in several accounting periods, revenue is recognized on the basis of the stage of completion as of the balance sheet date.

Interest

Interest is recorded based on the term and the actual interest rate applied in each particular period.

Dividend income

Income from dividends is recognized when the Group has the right to receive dividends from the investees. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

17. Borrowing costs

Borrowing costs are interest expenses and other costs that the Group directly incurs in connection with the borrowings. Borrowing costs are recorded as expenses when incurred.

18. Expenses

Expenses are those that result in outflows of the Group's economic benefits and are recorded at the time of transactions or when incurrence of the transaction is reliable regardless of whether payment for expenses is made or not.

Expenses and their corresponding revenues are simultaneously recognized in accordance with matching principle. In the event that matching principle conflicts with prudence principle, expenses are recognized based on the nature and regulations of accounting standards in order to guarantee that transactions can be fairly and truly reflected.

19. Corporate income tax

Corporate income tax only includes current income tax, which is the tax amount computed based on the taxable income. Taxable income is different from accounting profit due to the adjustments of temporary differences between tax and accounting figures, non-deductible expenses as well as those of non-taxable income and losses brought forward.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

20. Related parties

Parties are considered to be related parties in case that one party is able to control the other party or has significant influence on the financial and operating decisions of the other party. Parties are also considered to be related parties in case that they are under the common control or under the common significant influence.

In considering each possible related party relationship, attention is directed to the substance of the relationship and not merely the legal form.

21. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Group that is engaged in manufacturing or providing products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Group that is engaged in manufacturing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

The segment information is prepared and presented in conformity with the accounting policy applied for the preparation and presentation of the Group's Consolidated Financial Statements.

V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET

1. Cash and cash equivalents

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash on hand	401,162,811	169,727,523
Demand deposits in banks	13,117,962,837	19,901,453,440
Cash equivalents (<i>Bank deposits of which the principal maturity is from or under 3 months</i>)	42,000,000,000	51,000,000,000
Total	55,519,125,648	71,071,180,963

2. Financial investments

2a. Held-to-maturity investments

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Term deposits in bank with the term from 6 months to under 1 year, the interest rates ranging from 3.7% to 5.2% per year	145,102,279,452	138,000,000,000

As of the balance sheet date, the term deposit at Asia Commercial Joint Stock Bank (ACB) of VND 25,000,000,000 was blocked to secure the loan at the same Bank (Note V.16).

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

2b. Investments in associates

	Ending balance		Beginning balance	
	Original cost	Profit after investment date	Original cost	Profit after investment date
Tan Cang Ben Thanh Corporation ⁽ⁱ⁾	54,000,000,000	31,689,142,718	85,689,142,718	76,251,872,837
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC. ⁽ⁱⁱ⁾	33,120,000,000	(10,505,345,487)	22,614,654,513	25,033,720,736
Cat Lai – Eastern Saigon JSC. ⁽ⁱⁱⁱ⁾	10,000,000,000	1,557,593,697	11,557,593,697	10,979,959,417
Total	97,120,000,000	22,741,390,928	119,861,390,928	112,265,552,990

- (i) As of the balance sheet date, the Group owned 5,400,000 shares equivalent to 36% of charter capital of Tan Cang Ben Thanh Corporation, same as the beginning balance.
- (ii) As of the balance sheet date, the Group owned 3,312,000 shares equivalent to 36% of charter capital of Hai Phong – 128 Tan Cang JSC., same as the beginning balance.
- (iii) As of the balance sheet date, the Group owned 1,000,000 shares equivalent to 20% of charter capital of Cat Lai – Eastern Saigon JSC., same as the beginning balance.

The value of the Group's ownership in the associates is as follows:

	Value of ownership at the beginning of the year	Profit/(loss) during the year	Dividend receivable during the year	Value of ownership at the end of the year
Tan Cang Ben Thanh Corporation	76,251,872,837	22,937,269,881	(13,500,000,000)	85,689,142,718
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	25,033,720,736	(2,419,066,223)	-	22,614,654,513
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	10,979,959,417	1,402,400,520	(824,766,240)	11,557,593,697
Total	112,265,552,990	21,920,604,178	(14,324,766,240)	119,861,390,928

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)*Operation of associates*

The associates have been in their normal operation and have not experienced any significant change as compared to that of the previous year.

Transactions with associates

Significant transactions between the Company and its associates are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
<i>Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.</i>		
Rendering of services to the associate	1,048,608,000	3,148,992,000
<i>Tan Cang Ben Thanh Corporation</i>		
Dividends receivable	13,500,000,000	13,500,000,000
Rendering of services to the associate	360,742,000	375,446,900
Using services of the associate	333,044,086,891	337,845,612,652
<i>Cat Lai – Eastern Saigon JSC.</i>		
Rendering of services to the associate	5,467,121,500	698,023,036
Acquisition of materials of the associate	17,443,153,247	21,257,800,000
Using services of the associate	359,849,522,132	318,915,964,969
Dividends receivable	824,766,240	1,185,962,231

2c. Investments in other entities

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	<u>Original cost</u>	<u>Fair value</u>	<u>Original cost</u>	<u>Fair value</u>
Military Commercial Joint Stock Bank (MBBank) (3,094,743 shares)	14,666,980,000	77,678,053,065	14,666,980,000	57,716,959,748
Cat Lai Port JSC. (1,237,500 shares)	11,812,500,000	44,302,500,000	11,812,500,000	45,663,750,000
Total	26,479,480,000	121,980,553,065	26,479,480,000	103,380,709,748

Fair value

For listed investments, fair value was determined in accordance with the listed price as of the balance sheet date.

The Company has not determined fair value of investments without listed price because there have not been any specific instructions on determination of fair value.

3. Short-term trade receivables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Receivables from related parties</i>	396,032,593,166	201,195,572,157
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	387,339,185,326	197,071,393,066
Tan Cang Warehousing JSC.	1,672,431,300	1,024,792,760
Tan Cang Waterway Transport JSC.	460,185,166	623,859,142
Binh Duong – Newport Logistics JSC.	24,844,000	326,024,000
Tan Cang Overland Transport JSC.	4,428,288,200	368,423,400
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	740,404,995	-
Cat Lai Port International Logistics JSC.	123,552,000	-
North Newport Logistics JSC.	-	21,384,000
Tan Cang Container Services JSC.	725,213,706	342,781,462
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	93,980,520	538,772,600
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	94,089,600	283,409,280

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Phu Huu – Newport Corporation	144,898,740	486,433,680
Tan Cang Ben Thanh Corporation	65,601,360	75,340,800
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company	21,657,300	-
Tan Cang – Cai Mep International Terminal Co., Ltd.	199,113	12,758,727
Tan Cang Hiep Luc JSC.	90,149,760	18,354,600
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	-	1,844,640
Tan Cang Maritime Services JSC.	7,912,080	-
<i>Receivables from other customers</i>	<i>32,091,771,480</i>	<i>30,462,752,342</i>
Total	428,124,364,646	231,658,324,499

4. Short-term prepayments to suppliers

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Phuc Lam Engineering and Trading JSC.	1,024,716,000	-
Lin Dan Engineering Trading and Investment Co., Ltd.	674,942,400	1,518,599,700
Other suppliers	700,178,989	503,127,346
Total	2,399,837,389	2,021,727,046

5. Other receivables**5a. Other short-term receivables**

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	<u>Value</u>	<u>Allowance</u>	<u>Value</u>	<u>Allowance</u>
<i>Receivables from related parties</i>	<i>503,072,516</i>	-	<i>494,365,056</i>	-
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation – Payments on behalf	175,106,236	-	263,365,056	-
Tan Cang Overland Transport JSC. - Payments on behalf	30,606,280	-	-	-
Cat Lai Port International Logistics JSC. - Payments on behalf	50,040,000	-	-	-
Cat Lai – Eastern Saigon JSC. - Deposit for hiring yards	231,000,000	-	231,000,000	-
Cat Lai – Eastern Saigon JSC. - Other receivables	16,320,000	-	-	-
<i>Receivables from other organizations and individuals</i>	<i>14,343,509,297</i>	-	<i>14,904,297,414</i>	-
Eastern Saigon Logistics JSC. – Deposit for using services	4,112,000,000	-	4,112,000,000	-
Hiep Huy Hoang One Member Co., Ltd. – BCC capital contribution	-	-	375,000,000	-
Receipts and payments on behalf	1,188,375,780	-	491,320,400	-
Advances	4,229,270,653	-	4,560,916,964	-
Deposits	53,000,000	-	52,000,000	-
Accrued interest income of term deposits	1,684,986,301	-	1,826,127,123	-
Receivables from employees	2,629,408,167	-	3,287,842,778	-
Other short-term receivables	446,468,396	-	199,090,149	-
Total	14,846,581,813	-	15,398,662,470	-

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**5b. Other long-term receivables**

	Ending balance		Beginning balance	
	Value	Allowance	Value	Allowance
Deposit for water supply	30,000,000	-	30,000,000	-
Ms. Bui Thi No – Deposit for land rental	300,000,000	-	300,000,000	-
Deposit for TCL office lease	-	-	2,000,000,000	-
Deposit for hiring yards	17,661,300,000	-	17,661,300,000	-
Construction Investment JSC. No. 14	8,316,000,000	-	8,316,000,000	-
Quang Minh Investment Construction	3,000,000,000	-	3,000,000,000	-
Transport JSC.				
Tincons Co., Ltd.	6,345,300,000	-	6,345,300,000	-
Total	17,991,300,000	-	19,991,300,000	-

6. Allowance for short-term doubtful debts

	Overdue period	Ending balance		Beginning balance	
		Original cost	Allowance	Original cost	Allowance
Global Fertilizer Investment JSC. (*)	Over 3 years	2,376,686,073	(516,721,074)	786,644,103	(171,026,200)
	From 2 to 3 years	-	-	1,590,041,970	(241,986,412)
Receivable from other organizations	Over 3 years	395,736,669	(395,736,669)	395,736,669	(395,736,669)
Total		2,772,422,742	(912,457,743)	2,772,422,742	(808,749,281)

(*) Allowance for doubtful debts of Global Fertilizer Investment JSC. is made after being offset against payables.

Fluctuations in allowance for doubtful debts are as follows:

	Current year	Previous year
Beginning balance	808,749,281	395,736,669
Additional allowance	103,708,462	413,012,612
Ending balance	912,457,743	808,749,281

7. Inventories

	Ending balance	Beginning balance
Materials and supplies in stock	13,096,217,340	12,916,648,263

8. Prepaid expenses**8a. Short-term prepaid expenses**

	Ending balance	Beginning balance
Expenses for military uniforms, uniforms and labor protection	614,989,800	665,386,100
Insurance premiums	818,988,396	812,967,876
Road toll	173,845,769	146,026,225
Expenses for tools	1,440,501,719	406,076,511
Other expenses	77,383,874	84,391,857
Total	3,125,709,558	2,114,848,569

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**8b. Long-term prepaid expenses**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Expenses for repairs and replacement of mattress and crane at rice packing dock	6,598,097,448	9,970,098,175
Expenses for repairs, construction at Tan Cang Nhon Trach	14,863,582,113	16,564,440,582
Expenses for repairs, renovation of Tan Cang My Thuy power supply line	645,161,336	1,100,195,056
Expenses for construction, interior repairs, and equipment installation at TCL building	1,194,121,088	1,084,737,244
Expenses for repairs of rice packing dock		
Expenses for construction, upgrading at Depot Tan Cang My Thuy 2	1,756,722,265	1,434,025,376
Expenses for construction at Depot Tan Cang Tan Van	2,434,623,788	167,297,088
Expenses for crane repairs	4,093,823,231	-
Expenses for tools	639,049,736	402,668,627
Total	<u>32,225,181,005</u>	<u>30,723,462,148</u>

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

9. Tangible fixed assets

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Vehicles	Office equipment	Perennial plants	Other fixed assets	Total
Historical costs							
Beginning balance	273,249,176,123	554,206,185,447	58,216,022,186	2,575,942,873	80,000,000	11,653,706,879	899,981,033,508
New acquisition	-	-	972,627,273	73,884,540	-	407,455,556	1,453,967,369
Completed construction based on finalization	3,133,464,073	-	-	140,231,000	-	-	3,273,695,073
Increase due to finalization	83,333,333	90,000,000	-	-	-	60,185,185	233,518,518
Decrease due to conclusion of MOF's Inspector	-	-	-	-	-	(276,529,113)	(276,529,113)
Ending balance	276,465,973,529	554,296,185,447	59,188,649,459	2,790,058,413	80,000,000	11,844,818,507	904,665,685,355
<i>In which:</i>							
Assets fully depreciated but still in use	13,608,662,300	207,817,513,774	38,119,975,830	2,460,912,873	80,000,000	215,582,902	262,302,647,679
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-	-
Depreciation							
Beginning balance	117,896,957,549	477,174,315,469	49,308,899,874	2,459,228,986	80,000,000	2,106,309,416	649,025,711,294
Depreciation during the year	11,375,427,978	12,485,625,937	4,183,904,175	88,202,805	-	2,203,646,513	30,336,807,408
Ending balance	129,272,385,527	489,659,941,406	53,492,804,049	2,547,431,791	80,000,000	4,309,955,929	679,362,518,702

Net book value

Beginning balance	155,352,218,574	77,031,869,978	8,907,122,312	116,713,887	-	9,547,397,463	250,955,322,214
Ending balance	147,193,588,002	64,636,244,041	5,695,845,410	242,626,622	-	7,534,862,578	225,303,166,653

In which:

Assets temporarily not in use	-	-	-	-	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-	-

Some tangible fixed assets with the net book value of VND 68,286,894,050 have been pledged as collateral for the Company's loan at Vietnam International Commercial Joint Stock Bank (VIB) – Saigon Branch.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**10. Intangible fixed assets**

	Land use right^(*)	Computer software	Total
Historical costs			
Beginning balance	27,991,682,391	700,229,000	28,691,911,391
Ending balance	27,991,682,391	700,229,000	28,691,911,391
<i>In which:</i>			
Assets fully amortized but still in use	-	580,229,000	580,229,000
Amortization			
Beginning balance	5,233,738,895	589,153,730	5,822,892,625
Amortization during the year	705,672,660	39,999,996	745,672,656
Ending balance	5,939,411,555	629,153,726	6,568,565,281
Net book value			
Beginning balance	22,757,943,496	111,075,270	22,869,018,766
Ending balance	22,052,270,836	71,075,274	22,123,346,110
<i>In which:</i>			
Assets temporarily not in use	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-

- (*) This is the land use right in Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City acquired from District 2 Public Service One Member Co., Ltd., with the term of use until 30 August 2055; the net book value of VND 22,052,270,836 which has been pledged as collateral at VIB - Saigon Branch.

11. Construction-in-progress

	Beginning balance	Expenses incurred	Transferred to fixed assets	Ending balance
Acquisition of fixed assets	288,000,000	1,485,283,110	(1,453,967,369)	319,315,741
Construction-in-progress	2,668,427,324	3,694,093,083	(3,273,695,073)	3,088,825,334
<i>Project of relocation of petroleum warehouse of region 2</i>	1,808,239,341	87,384,138	-	1,895,623,479
<i>Project of road connecting IMDG yard in ICD TCNT</i>	-	2,433,939,073	(2,433,939,073)	-
<i>Other projects</i>	860,187,983	1,172,769,872	(839,756,000)	1,193,201,855
Total	2,956,427,324	5,179,376,193	(4,727,662,442)	3,408,141,075

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**12. Short-term trade payables**

	Ending balance	Beginning balance
<i>Payables to related parties</i>	203,785,094,673	138,019,733,827
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	-	163,500,000
Tan Cang Warehousing JSC.	50,447,070	56,552,040
Tan Cang Waterway Transport JSC.	148,758,120	1,095,907,320
Tan Cang Technical Services JSC.	10,055,503,043	6,014,168,196
Tan Cang Ben Thanh Corporation	140,422,506,082	97,007,582,280
Tan Cang – STC Human Resource Development Co., Ltd.	42,920,000	-
Tan Cang Hiep Luc JSC.	28,169,856	-
Tan Cang Container Services JSC.	19,947,820,777	11,834,236,546
Tan Cang – Tay Ninh JSC.	-	445,408,200
Phu Huu – Newport Corporation	15,874,920	25,923,240
Binh Duong – Newport Logistics JSC.	22,696,000	-
Tan Cang Overland Transport JSC.	27,434,970	-
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	32,987,606,835	21,132,326,274
Tan Cang Offshore Travel and Flight Services JSC.	35,357,000	244,129,731
<i>Payables to other suppliers</i>	68,354,054,913	28,149,932,453
Total	272,139,149,586	166,169,666,280

The Group has no overdue trade payables.

13. Taxes and other obligations to the State Budget

	Beginning balance	Amount payable during the year	Amount already paid during the year	Ending balance
VAT on local sales	214,711,322	24,256,060,549	(24,253,889,948)	216,881,923
Corporate income tax	11,484,549,619	30,788,062,496	(31,904,122,003)	10,368,490,112
Corporate income tax paid on behalf of the BCC's parties	1,319,371,794	1,437,067,916	(1,478,536,220)	1,277,903,490
Personal income tax	200,277,719	7,048,144,417	(6,809,889,297)	438,532,839
Other taxes	-	122,206,818	(122,206,818)	-
Total	13,218,910,454	63,651,542,196	(64,568,644,286)	12,301,808,364

Value added tax (VAT)

The Company and its subsidiary have to pay VAT in accordance with the deduction method. The VAT rate applied to water sale is 5%, and the VAT rates applied to other services are 8% and 10%.

Corporate income tax (CIT)

The Company and its subsidiary have to pay CIT for taxable income at the rate of 20% (that of the previous year was 20%).

The determination of corporate income tax liability of the Company and its subsidiary is based on the prevailing regulations on taxes. However, these regulations may change from time to time and regulations applicable to variety of transactions can be interpreted differently. Therefore, the tax amount presented in the Consolidated Financial Statements could change when being inspected by the Tax Office.

Other taxes

The Company and its subsidiary declare and pay these taxes according to prevailing regulations.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**14. Short-term accrued expenses**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Accrued expenses to related parties</i>	14,837,217,982	18,322,814,365
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	5,414,784,322	472,582,400
<i>Land rental</i>	3,372,386,322	472,582,400
<i>Expenses for transportation, loading and unloading</i>	2,042,398,000	-
Cat Lai – Eastern Saigon JSC.	157,000,000	-
- Expenses for repairs, maintenance		
Tan Cang Ben Thanh Corporation		
- Expenses for transportation, loading and unloading, and yard storage	9,265,433,660	17,850,231,965
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	5,562,891,743	4,839,835,063
Expenses for transportation, loading and unloading	2,269,994,996	1,190,188,350
Expenses for yard storage	3,243,083,758	3,104,857,350
Other accrued expenses	49,812,989	544,789,363
Total	20,400,109,725	23,162,649,428

15. Other payables**15a. Other short-term payables**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	16,460,710,372	17,458,451,022
Tan Cang Ben Thanh Corporation ⁽ⁱ⁾	10,598,617,337	13,378,334,623
- BCC contribution capital	6,000,000,000	-
- Payable for profit distributed from BCC results	4,598,617,337	13,378,334,623
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company – Profit distributed from BCC results ⁽ⁱⁱ⁾	5,841,093,035	4,080,116,399
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation - Payable for receipts and payments on behalf	21,000,000	-
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	14,688,583,215	16,574,207,271
Trade Union's expenditure	460,315,544	801,511,464
Social insurance premiums, health insurance premiums	807,034,261	722,401,407
Dividends payable	6,367,886,723	6,653,390,071
Deposit received for office rental	100,000,000	283,806,100
Union One Logistics and Trade Investment JSC. - Profit distributed from BCC results ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2,299,656,040	1,125,671,572
Payable to Hiep Huy Hoang Company – Payable for BCC	-	4,922,483,282
Payable for container deposit received on behalf	2,391,772,510	-
Other short-term payables	2,261,918,137	2,064,943,375
Total	31,149,293,587	34,032,658,293

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**15b. Other long-term payables**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	<i>20,813,210,000</i>	<i>26,813,210,000</i>
Tan Cang Ben Thanh Corporation	-	6,000,000,000
- BCC contribution capital ⁽ⁱ⁾		
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company – BCC contribution capital ⁽ⁱⁱ⁾	18,750,000,000	18,750,000,000
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company - Deposit received for office rental	2,000,000,000	2,000,000,000
Tan Cang Information Technology Solutions JSC. - Deposit received for office rental	63,210,000	63,210,000
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	<i>15,318,416,504</i>	<i>17,134,610,404</i>
Union One Logistics and Trade Investment JSC. - BCC contribution capital ⁽ⁱⁱⁱ⁾	12,500,000,000	12,500,000,000
Long-term deposits received	2,818,416,504	4,634,610,404
Total	36,131,626,504	43,947,820,404

Additional information on Business Cooperation Contracts (“BCC”):

- (i) According to BCC No. 490/HD-GNVT-KHKD dated 30 May 2014, the Agreement Minutes of Capital Increase dated 25 May 2016 and additional agreements on business cooperation in exploiting container yards and services related to loading and unloading into goods container and container tank at Depot 6 - Cat Lai Port, three participating parties are as follows: The Company contributes VND 7,500,000,000 equivalent to 50%; Tan Cang Ben Thanh Corporation contributes VND 6,000,000,000 equivalent to 40%; and Dong Nai Newport Logistics JSC. contributes VND 1,500,000,000 equivalent to 10%. As at 31 December 2024, the parties were completing the procedures for termination of this business cooperation.
- (ii) According to BCC No. 612/2015/TCL-HT-TT dated 26 October 2015 and the Capital Contribution Transfer Contract dated 10 January 2017 on business cooperation for the implementation of the project "receiving the transfer of land use right and investing in the construction and exploitation of office building" in My Thanh Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, three participating parties are as follows: The Company contributes 50%; Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company contributes 30% and Union One Investment, Union One Logistics and Trade Investment JSC. (receiving the transfer from Thu Thiem Construction, Trade and Services Co., Ltd.) contributes 20% of total investment capital of the project. The Company is the representative of the BCC. The term of contract is 50 years.

15c. Overdue debts

The Group has no other overdue payables.

16. Borrowings**16a. Short-term borrowings**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Asia Commercial Joint Stock Bank (“ACB”) - Head Office – Short-term loans ^(*)	25,000,000,000	-
Vietnam International Commercial Joint Stock Bank (“VIB”) – Saigon Branch - Current portions of long-term loans (Note V.16b)	7,249,712,000	7,249,712,000
Total	32,249,712,000	7,249,712,000

The Group has solvency to repay short-term loans.

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

(*) This is the loan arising from the Agreement dated 27 December 2024 with the amount of VND 25 billion to supplement working capital serving production and business activities, the loan term is 3 months starting from the day after the first disbursement date. The in-due interest rate is 5% per year. Collateral is all balances including principal and interest arising from term deposits at the same Bank.

Details of increase/ (decrease) of short-term borrowings during the year are as follows:

	Current year	Previous year
Beginning balance	7,249,712,000	7,249,712,000
Amount of loans incurred	25,000,000,000	-
Transfer from long-term borrowings	7,249,712,000	7,249,712,000
Amount of loans repaid	(7,249,712,000)	(7,249,712,000)
Ending balance	32,249,712,000	7,249,712,000

16b. Long-term borrowings

	Ending balance	Beginning balance
VIB - Saigon Branch	1,811,700,252	9,061,412,252

The Group has solvency to repay long-term loans.

This is the loan arising from the Credit Agreement dated 24 January 2018 to invest in the project: "Receiving the transfer of land use right and investing in the construction and exploitation of the office building" at Lot 11, Residential Quarter 1, Thanh My Loi Ward, District 2, Ho Chi Minh City. Total Credit Agreement amount is VND 62,500,000,000 within 18 months starting from the first withdrawal date. The loans are required to be repaid in 28 equal installments for each quarter, starting on the 15th month starting from the first withdrawal date. The floating interest rate are applied as of the disbursement date (the applicable interest rate in 2024 was 7 - 8% per year). Collateral includes land use right and constructions on the land financed by the loan.

Payment schedule of long-term borrowings is as follows:

	Ending balance	Beginning balance
From or under 1 year	7,249,712,000	7,249,712,000
Over 1 year to 5 years	1,811,700,252	9,061,412,252
Over 5 years	-	-
Total	9,061,412,252	16,311,124,252

Details of increase/ (decrease) of long-term borrowings are as follows:

	Current year	Previous year
Beginning balance	9,061,412,252	16,311,124,252
Transfer to short-term loans	(7,249,712,000)	(7,249,712,000)
Ending balance	1,811,700,252	9,061,412,252

17. Bonus and welfare funds

	Bonus fund	Welfare fund	Bonus fund for the Executive Officers	Total
Beginning balance	8,800,998,187	9,035,925,883	-	17,836,924,070
Increase due to appropriation from profit	11,717,687,705	11,700,581,829	647,589,368	24,065,858,902
Increase due to allocation from the Parent Company	70,480,000	-	-	70,480,000
Disbursement in the year	(10,790,000,000)	(11,979,670,250)	(647,589,368)	(23,417,259,618)
Ending balance	9,799,165,892	8,756,837,462	-	18,556,003,354

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**18. Owner's equity****18a. Statement on changes in owner's equity**

	Owner's contribution capital	Share premiums	Other funds	Investment and development fund	Retained earnings	Non-controlling interests	Total
<i>For the year 2023</i>							
Beginning balance	301,584,360,000	20,712,126,338	1,512,000,000	117,878,265,220	91,330,786,960	22,569,499,167	555,587,037,685
Profit of the year	-	-	-	-	134,162,690,792	258,627,782	134,421,318,574
Dividends declared from profit of 2022	-	-	-	-	(67,278,359,046)	(348,067,156)	(67,626,426,202)
Appropriation for funds from profit of 2022	-	-	-	-	(772,000,000)	-	(772,000,000)
Adjustment of BCC profit distribution of 2022	-	-	-	-	100,000,000	-	100,000,000
Appropriation for funds from profit of 2023	-	-	-	40,127,182,411	(62,949,624,379)	-	(22,822,441,968)
Appropriation for funds from the subsidiary	-	-	-	26,923,190	(40,384,785)	(12,931,389)	(26,392,984)
Ending balance	301,584,360,000	20,712,126,338	1,512,000,000	158,032,370,821	94,553,109,542	22,467,128,404	598,861,095,105
<i>For the year 2024</i>							
Beginning balance	301,584,360,000	20,712,126,338	1,512,000,000	158,032,370,821	94,553,109,542	22,467,128,404	598,861,095,105
Profit of the year	-	-	-	-	146,060,376,424	167,622,379	146,227,998,803
Dividends declared from profit of 2023	-	-	-	-	(70,160,060,957)	(210,034,504)	(70,370,095,461)
Appropriation for funds from profit of 2023	-	-	-	-	(647,589,368)	-	(647,589,368)
Appropriation for funds from profit of 2024	-	-	-	40,912,320,960	(64,313,484,618)	-	(23,401,163,658)
Appropriation for funds from the subsidiary	-	-	-	17,449,514	(26,174,271)	(8,381,119)	(17,105,876)
Ending balance	301,584,360,000	20,712,126,338	1,512,000,000	158,032,370,821	94,553,109,542	22,467,128,404	650,653,139,545

These Notes form an integral part of and should be read in conjunction with the Consolidated Financial Statements

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**18b. Details of owner's capital contribution**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	153,812,730,000	153,812,730,000
Other shareholders	147,771,630,000	147,771,630,000
Total	301,584,360,000	301,584,360,000

18c. Shares

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Number of ordinary shares registered to be issued	30,158,436	30,158,436
Number of ordinary shares already issued	30,158,436	30,158,436
Number of ordinary shares repurchased	-	-
Number of ordinary outstanding shares	30,158,436	30,158,436

Face value per outstanding share: VND 10,000.

18d. Profit distribution***In Tan Cang Logistics and Stevedoring JSC. (the Parent Company):***

During the year, the Company distributed profit in accordance with the Resolution of 2024 Annual General Meeting of Shareholders No. 453/NQ-DHDCDTN,2024 dated 6 June 2024 as follows:

	<u>VND</u>
Distribution of profit after tax of 2023	
• Dividends declared to shareholders	: 70,160,060,957
• Appropriation for the Executive Officers' bonus fund	: 647,589,368
Temporary distribution of profit after tax of 2024	
• Appropriation for investment and development fund (30% of profit after tax)	: 40,912,320,960
• Appropriation for bonus and welfare funds (25% of actual payroll fund)	: 23,401,163,658

In Dong Nai Newport Logistics JSC. (the subsidiary):

During the year, the subsidiary temporarily distributed profit in accordance with the Resolution of 2023 Annual General Meeting of Shareholders as follows:

	<u>VND</u>
Distribution of profit of 2023	
• Appropriation for investment and development fund (10% of profit after tax)	: 428,680,727
Distribution of profit of 2024	
• Appropriation for investment and development fund (10% of profit after tax)	: 34,211,752
• Appropriation for bonus fund (5% of profit after tax)	: 17,105,876

19. Off-Consolidated Balance Sheet items

As of the balance sheet date, cash and cash equivalents included USD 65.34 (the beginning balance was USD 65.34).

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE CONSOLIDATED INCOME STATEMENT****1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services****1a. Gross revenue**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Revenue from transportation, loading and unloading services	296,386,123,479	288,882,798,091
Revenue from depot services	1,264,271,175,532	1,150,744,951,412
Revenue from other services	70,526,321,045	89,787,755,952
Total	1,631,183,620,056	1,529,415,505,455

1b. Revenue from sales of merchandise and rendering of services to related parties

Besides transactions of rendering of services to the associates as presented in Note V.2b, the Group also has transactions of rendering of services to related parties which are not the associates, as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	814,562,433,109	860,187,364,491
Tan Cang Warehousing JSC.	3,506,759,677	2,937,225,569
Tan Cang Overland Transport JSC.	8,008,127,887	3,132,684,186
Tan Cang Waterway Transport JSC.	1,908,271,778	1,625,936,709
Phu Huu – Newport Corporation	705,011,723	1,747,696,265
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	526,662,500	228,147,500
Tan Cang Hiep Luc JSC.	250,535,600	194,699,545
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	3,317,111,704	1,296,050,746
Tan Cang – Cai Mep International Terminal Co., Ltd.		192,106,364
Tan Cang Container Services JSC.	1,065,728,151	1,316,400,791
Cat Lai Logistics JSC.	9,630,000	16,000,000
Cat Lai Port International Logistics JSC.	114,400,000	-
Tan Cang Pilot One Member Limited Liability Company	5,309,995,446	5,294,623,080
Tan Cang Maritime Services JSC.	29,489,000	23,121,818
Binh Duong – Newport Logistics JSC.	2,564,978,519	785,677,407

2. Costs of sales

This is the cost of services rendered in the year.

3. Financial income

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interest from term deposits	6,716,886,663	11,568,901,070
Interest from demand deposits	23,944,430	69,267,998
Dividends and profit received	4,764,871,500	5,899,540,500
Exchange gain due to the revaluation of monetary items in foreign currencies	81,021	46,718
Total	11,505,783,614	17,537,756,286

4. Financial expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Interest expenses	503,814,945	1,025,856,761

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**5. Selling expenses**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Commission expenses	24,134,310,883	27,246,350,059
Expenses for external services	3,616,642,388	3,370,850,168
Other expenses	2,839,953,300	4,560,007,841
Total	30,590,906,571	35,177,208,068

6. General and administration expenses

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Labor costs	40,702,590,278	38,120,996,358
Materials, supplies	74,346,597	74,872,483
Office supplies	878,880,068	1,048,749,101
Depreciation/amortization of fixed assets	745,709,423	795,697,298
Taxes, fees and legal fees	413,071,027	117,151,891
Allowance for doubtful debts	103,708,462	413,012,612
Expenses for external services	8,628,565,951	9,012,854,670
Other expenses	22,053,064,628	20,590,977,485
Total	73,599,936,434	70,174,311,898

7. Other income

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Gain on disposal and liquidation of fixed assets	-	557,480,909
Compensation receipts	1,963,377	1,558,718,789
Other income	5,252,239	18,579,700
Total	7,215,616	2,134,779,398

8. Earnings per share ("EPS")**8a. Basic/Diluted EPS**

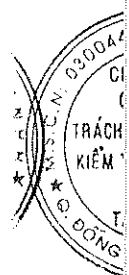
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Accounting profit after corporate income tax	146,060,376,424	134,162,690,792
Appropriation for bonus and welfare funds, and the Executive Officers' bonus fund of the Parent Company	(23,409,888,415)	(23,483,492,931)
Profit used to calculate basic/diluted EPS	122,650,488,009	110,679,197,861
Average number of ordinary shares outstanding during the year	30,158,436	30,158,436
Basic/diluted EPS	4,067	3,670

(i) The basic EPS of the previous year was recalculated, decreasing from VND 3,691 to VND 3,670 due to the deduction of the appropriation for the bonus and welfare funds, and the Executive Officers' bonus fund, in accordance with the Resolution of Annual General Meeting of Shareholders No. 453/NQ-DHDCDTN.2024 dated 6 June 2024.

(ii) For the purpose of presenting the "Basic EPS" item of the current year, the bonus and welfare funds are temporarily calculated in accordance with the Resolution of 2024 Annual General Meeting of Shareholders.

8b. Other information

There have not been any transactions of ordinary shares or potential transactions of ordinary shares from the balance sheet date to the disclosure date of these Consolidated Financial Statements.



TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**9. Operating costs by factors**

	Current year	Previous year
Materials and supplies	63,189,468,949	69,927,781,259
Labor costs	126,375,904,359	119,743,778,098
Depreciation/amortization of fixed assets (*)	29,628,242,220	30,730,832,651
Expenses for external services	1,232,674,954,969	1,140,507,365,574
Other expenses	35,059,950,410	34,611,230,323
Total	1,486,928,520,907	1,395,520,987,905
(*) Total depreciation expenses in the year (Notes V.9, V.10)	31,082,480,064	32,185,070,495
Depreciation expenses allocated to BCC's party	(1,454,237,844)	(1,454,237,844)
Depreciation expenses of the Company	29,628,242,220	30,730,832,651

VII. OTHER DISCLOSURES**1. Transactions and balances with the related parties**

The related parties of the Group include the key managers, their related individuals and other related parties.

1a. Transactions and balances with the key managers and their related individuals

The key managers include the Board of Directors (BOD), the Board of Supervisors (BOS) and the Executive Officers (the Board of Management (BOM) and the Chief Accountant). The key managers' related individuals are their close family members.

Transactions, receivables from and payables to key managers and their related individuals

The Group has no transactions or receivables from and payables to the key managers and their related individuals.

Compensation of the key managers

		Current year	Previous year
Mr. Le Hoang Linh	Chairman	1,468,126,107	1,487,321,024
Mr. Le Van Cuong	BOD Member cum Director	1,433,047,221	1,410,760,042
Mr. Hoang Duc Thinh	BOD Member	109,814,567	117,540,373
Mr. Nguyen Xuan Binh	BOD Member	-	28,770,186
Mr. Pham Trung Nghi	BOD Member	109,814,567	88,770,186
Mr. Ngo Ngoc Khanh	BOD Member cum Deputy Director	530,091,340	88,770,186
Mr. Pham Van Phuong	Head of BOS	109,814,567	117,540,373
Mr. Tran Van Truong	BOS Member	675,642,157	635,221,551
Ms. Le Thi Kim Chung	BOS Member	69,851,653	76,032,298
Mr. Dang Thanh Son	Deputy Director	898,658,162	966,370,821
Mr. Chau Thanh Hai	Deputy Director	1,322,674,836	930,618,081
Mr. Nguyen Van Hoa	Deputy Director	892,404,836	875,882,361
Ms. Pham Thi Thu Ha	Chief Accountant	837,469,499	794,736,524
Total		8,457,409,513	7,618,334,007

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)**1b. Transactions and balances with the related parties**

Other related parties of the Group include:

Name	Relationship
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	Parent Company
Hai Phong – 128 Tan Cang JSC.	Associate
Tan Cang Ben Thanh Corporation	Associate
Cat Lai – Eastern Sai Gon JSC.	Associate
Tan Cang Construction JSC.	Company in the same Group
ICD Tan Cang Song Than JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Warehousing JSC.	Company in the same Group
ICD Tan Cang – Long Binh JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Overland Transport JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Waterway Transport JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Technical Services JSC.	Company in the same Group
Tan Cang – Cai Mep JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Information Technology Solutions JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	Company in the same Group
Tan Cang – STC Human Resource Development Co., Ltd.	Company in the same Group
Tan Cang First Construction JSC.	Company in the same Group
Phu Huu – Newport Corporation	Company in the same Group
Tan Cang Hiep Luc JSC.	Company in the same Group
Cat Lai Port JSC.	Company in the same Group
SITC Newport Logistics Co., Ltd.	Company in the same Group
Tan Cang Container Services JSC.	Company in the same Group
Tan Cang – Tay Ninh JSC.	Company in the same Group
Tan Cang HMM Logistics Co., Ltd.	Company in the same Group
Tan Cang Offshore Travel and Flight Services JSC.	Company in the same Group
Tan Cang Shipping Warehouse Service Co., Ltd.	Company in the same Group

Transactions with other related parties

Apart from transactions with the associates as presented in Note V.2 as well as transactions of sales of merchandise and rendering of services to other related parties which are not the associates as presented in Note VI.1b, the Group also has other significant transactions with other related parties as follows:

	Current year	Previous year
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation		
Using services rendered by the Parent Company	14,795,073,951	13,578,595,145
Dividends payable to the Parent Company	35,782,725,977	34,313,013,032
Cat Lai Port JSC.		
Dividends receivable	3,217,500,000	4,554,000,000
Using services rendered by the related parties		
Tan Cang Overland Transport JSC.	264,627,000	432,160,380
Tan Cang Waterway Transport JSC.	3,841,429,000	8,142,111,550
Tan Cang Technical Services JSC.	53,474,467,440	50,408,399,180
Tan Cang Information Technology Solutions JSC	139,580,000	4,084,623,599
Tan Cang – STC Human Resource Development Co., Ltd.	341,434,049	159,082,168

TAN CANG LOGISTICS AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 470 Dong Van Cong, Thanh My Loi Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Consolidated Financial Statements (Cont.)

	Current year	Previous year
Tan Cang HMM Logistics Co., Ltd.	31,870,365	91,974,407
Binh Duong – Newport Logistics JSC.	128,264,815	-
Tan Cang – Tay Ninh JSC.	148,605,000	2,064,800,072
Phu Huu – Newport Corporation	229,156,000	174,790,000
Tan Cang Hiep Phuoc Logistics JSC.	138,848,600	133,705,000
Cat Lai Logistics JSC.	-	8,490,000
Tan Cang Warehousing JSC.	443,731,750	354,614,000
Tan Cang Shipping Warehouse Service Co., Ltd.	861,111	14,213,637
Tan Cang Container Services JSC.	37,452,132,109	33,154,194,780
Tan Cang Hiep Luc JSC.	100,395,500	723,920,200
Tan Cang Offshore Travel and Flight Services JSC.	568,209,332	550,851,228
Cat Lai Port International Logistics JSC.	-	118,972,730

Receivables from and payables to other related parties are presented in Notes V.3, V.4, V.5, V.12, V.14 and V.15.

Receivables from other related parties are unsecured and will be paid in cash. No allowance has been made for the receivables from other related parties.

2. Segment information

The Group only operates in the field of providing transportation, forwarding, loading and unloading services in the area of Cat Lai Port, in the Vietnamese territory. Therefore, the Group does not present the segment reporting by business segment or geographical segment.

3. Subsequent events

There have been no material events after the balance sheet date, which require to make adjustments on the figures or to be disclosed in the Consolidated Financial Statements.

Prepared on 25 February 2025

Prepared by

Chief Accountant

Director



Nguyen Xuan Tan


Pham Thi Thu Ha



Le Van Cuong